

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHƯƠNG I: ĐOẠN THẲNG.

Tiết 1. ĐIỂM, ĐƯỜNG THẲNG.

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

- HS nắm được hình ảnh của điểm, hình ảnh của đường thẳng
- Hiểu quan hệ điểm thuộc đường thẳng, không thuộc đường thẳng.

b) Kỹ năng.

- Biết vẽ điểm, đường thẳng. Biết sử dụng kí hiệu $\in$, $\notin$.

c) Thái độ.

- Biết liên hệ thực tế.

2. Chuẩn bị

a) GV: SGK, thước thẳng, bảng phụ

b) HS: Dụng cụ học tập. Đọc trước bài.

3. Tiến trình bài dạy.

a) Kiểm tra bài cũ (Không).

Giới thiệu phương pháp học tập.

Giới thiệu chương trình học 6: 2 chương.

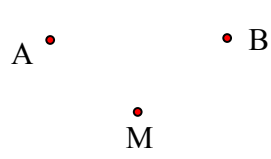
+ Chương I: Đoạn thẳng.

+ Chương II: Góc.

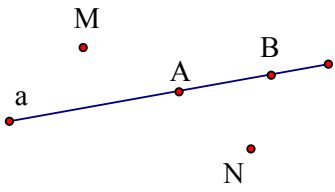
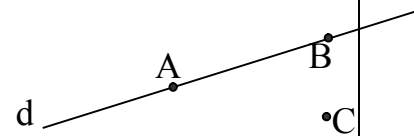
b) Nội dung bài mới

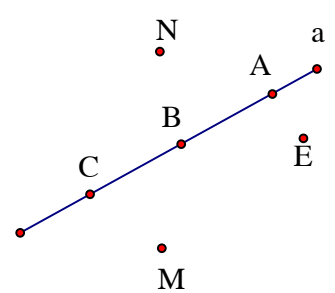
Đặt vấn đề (2 phút) Mỗi hình phẳng là một tập hợp điểm của mặt phẳng. Ở lớp 6 ta sẽ gặp một số hình phẳng như: Đoạn thẳng, tia, đường thẳng, góc, tam giác, đường tròn,

Hình học phẳng nghiên cứu các tính chất của hình phẳng. (GV giới thiệu hình hình học trong bức tranh lụa nổi tiếng của Héc-Banh, họa sĩ người Pháp, vẽ năm 1951. SGK-T 102.). Tiết học này đi nghiên cứu một số hình đầu tiên của hình học phẳng đó là: Điểm - Đường thẳng.

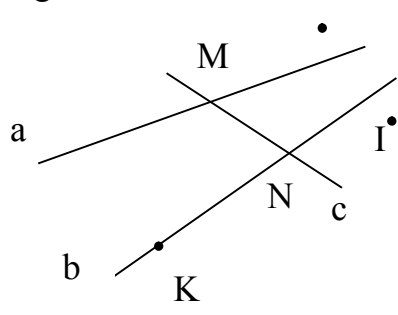
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Người ta không định nghĩa điểm mà chỉ giới thiệu hình ảnh của điểm. Dấu chấm nhỏ trên trang giấy là hình ảnh của điểm. người ta dùng các chữ cái in hoa A,	Nghe giảng, vẽ hình và ghi bài.	<u>1. Điểm.(10 phút)</u> 

B, C để đặt tên cho điểm. Một tên chỉ dùng cho một điểm (nghĩa là một tên không dùng để đặt cho nhiều điểm). VD: . A Một điểm có thể có nhiều tên ví dụ: M . N Quan sát hình 1 - SGK. Đọc tên điểm? Quan sát hình 2 - SGK: Đọc tên điểm trong hình? - Thông báo: Hai điểm phân biệt là 2 điểm không trùng nhau. - Từ nay về sau (ở lớp 6) khi nói 2 điểm mà không nói gì thêm, ta hiểu đó là 2 điểm phân biệt. - Điểm là một hình, đó là hình đơn giản nhất, cơ bản nhất. Với những điểm ta xây dựng các hình khác. Mỗi hình là một tập hợp điểm. Cũng giống như điểm, đường thẳng là hình cơ bản, không định nghĩa mà chỉ mô tả hình ảnh của nó bằng sợi chỉ căng thẳng, mép bảng, mép bàn thẳng ... Làm thế nào để vẽ được một đường thẳng? Dùng chữ cái thường a, b, ..., m, p để đặt tên cho các đường thẳng.	- Hình 1 có 3 điểm phân biệt: Điểm A, điểm B và điểm M. Hình 2, có 2 điểm A và C trùng nhau. - Cách hiểu 1: Một điểm mang 2 tên A và C. - Cách hiểu 2: Hai điểm A và C trùng nhau. Nghe giảng và ghi bài. Để vẽ một đường thẳng dùng bút vạch theo mép thước thẳng.	Tên điểm dùng các chữ cái in hoa. - Một tên chỉ dùng cho một điểm. - Một điểm có thể có nhiều tên. Quy ước: Nói hai điểm mà không nói gì thêm thì hiểu đó là hai điểm phân biệt. Chú ý: Bất cứ hình nào cũng là một tập hợp các điểm. <u>2. Đường thẳng (15 phút)</u> Biểu diễn đường thẳng: Dùng nét bút vạch theo mép thước thẳng.
--	--	--

Dùng phấn và thước thẳng, kéo dài về hai phía của đường thẳng a? Qua đó, rút ra nhận xét? Đưa ra BT: Trong hình vẽ sau có những điểm nào? Đường thẳng nào? Điểm nào nằm trên, không nằm trên đường thẳng đã cho?  Điểm A; B nằm trên đường thẳng a tức là điểm A và B thuộc vào đường thẳng a; điểm M; N không nằm trên đường thẳng a tức là M và N không thuộc vào đường thẳng a. Mỗi đường thẳng xác định có bao nhiêu điểm thuộc nó? Cho HS đọc phần 3 Cho HS quan sát hình 4 trong SGK. Diễn đạt quan hệ giữa các điểm A, B với đường thẳng d bằng các cách khác nhau. Viết kí hiệu: $A \in d, C \notin d$. Đường thẳng là một tập hợp không rỗng. Trên mặt phẳng	Một HS lên bảng thực hiện, dưới lớp làm vào vở. Đường thẳng không bị giới hạn về hai phía. Có các điểm: A; B; M; N. Có đường thẳng a. Điểm A; B nằm trên đường thẳng a; điểm M; N không nằm trên đường thẳng a. Vô số. Quan sát hình 4 - SGK. Ghi vở.	Đặt tên: Dùng chữ cái in thường a, b, m, n, a Nhận xét: Đường thẳng không bị giới hạn về hai phía. <u>3.Điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng (8 phút)</u> - Điểm A thuộc đường thẳng d và kí hiệu là: $A \in d$  Ta còn nói: điểm A nằm
--	--	---

có nhiều đường thẳng. Mỗi đường thẳng là một bộ phận (tập hợp con) của mặt phẳng. - Quan hệ ®điểm thuộc (không thuộc) đường thẳng® có thể xem như quan hệ ®phần tử thuộc (không thuộc) tập hợp®. Thông báo: Với mỗi đường thẳng bất kì, có những điểm thuộc đường thẳng đó và có những điểm không thuộc đường thẳng đó. Cho HS làm ?	Vẽ hình 5 vào vở và trả lời câu hỏi a, b, c của ?	trên đường thẳng d hoặc đường thẳng d đi qua điểm A hoặc đường thẳng d chứa điểm A. - Điểm C không thuộc đường thẳng d kí hiệu là $C \notin d$. Ta còn nói: điểm C nằm ngoài đường thẳng d, hoặc đường thẳng d không đi qua điểm C, hoặc đường thẳng d không chứa điểm C. ? a, $C \in a; E \notin a$. b, $C \in a; E \notin a$. c, Vẽ: 
--	--	--

c) Củng cố, luyện tập (10 phút)

Cho HS lên bảng làm bài 1 Theo dõi cách vẽ hình, đặt tên, sửa chữa những sai sót trong kí hiệu điểm, đường thẳng (chữ thường).	Một HS lên bảng làm bài tập 1 - Dưới lớp làm vào vở.	4.Luyện tập củng cố Bài 1 (SGK - 104). Đặt tên cho các điểm, các đường thẳng. 
--	--	---

- Học bài theo SGK + vở ghi.
- Biết vẽ hình theo cách diễn đạt, sử dụng thành thạo các kí hiệu $\in, \notin$.
- Làm bài tập 3, 5, 6 (T 104-105). Bài tập 1, 2, 3 (95-96 - SBT).
- Đọc trước bài: Ba điểm thẳng hàng.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 2 BA ĐIỂM THẲNG HÀNG

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

- HS hiểu được thế nào là 3 điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm và tính chất: Trong 3 điểm thẳng hàng có một và chỉ một điểm nằm giữa 2 điểm còn lại.

b) Kỹ năng

- Biết vẽ 3 điểm thẳng hàng, 3 điểm không thẳng hàng. Sử dụng được các thuật ngữ: Nằm cùng phía, nằm khác phía, nằm giữa.
- Sử dụng thước thẳng để vẽ và kiểm tra 3 điểm thẳng hàng một cách cẩn thận, chính xác.

c) Thái độ.

- Yêu thích môn học.

2. Chuẩn bị

a) GV: SGK, thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.

b) HS: Đọc trước bài, thước thẳng

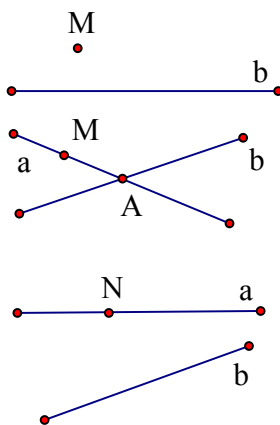
3. Tiến trình bài dạy

a) Kiểm tra bài cũ (7 phút)

Câu hỏi

- Vẽ điểm M, đường thẳng b sao cho $M \notin b$.
- Vẽ đường thẳng a, điểm A sao cho $M \in a$, $A \in a$, $A \in b$
- Vẽ đường thẳng N $\in a$ và $N \notin b$.

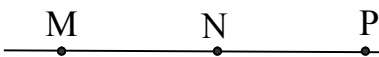
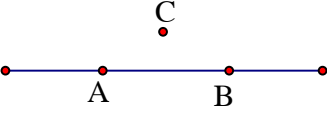
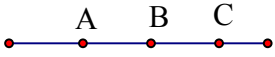
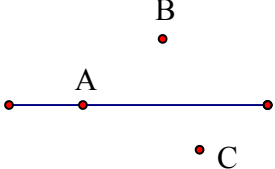
Đáp án

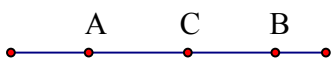


(10 điểm)

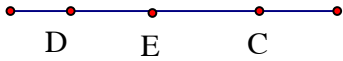
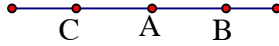
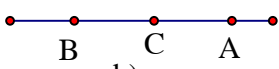
b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề Cho đường thẳng m , có những điểm thuộc đường thẳng m và có những điểm không thuộc đường thẳng m . Những điểm cùng thuộc đường thẳng m có quan hệ với nhau như thế nào? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài hôm nay.

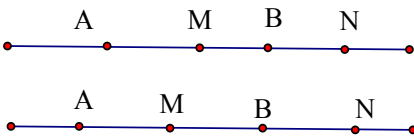
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Quan sát hình bên cho biết ba điểm A, B, C có nằm trên cùng một đường thẳng không? Khi nào thì 3 điểm thẳng hàng? Khi nào thì 3 điểm không thẳng hàng? Để vẽ 3 điểm thẳng hàng ta nên làm như thế nào? Áp dụng làm bài 10a(SGK - 106) ? Để vẽ 3 điểm không thẳng hàng ta nên làm như thế nào? Áp dụng làm bài 10c(SGK - 106) làm thế nào? Để nhận biết 3 điểm cho trước có thẳng hàng hay không ta làm thế nào?	A; B; C cùng nằm trên một đường thẳng. 3 điểm đó cùng thuộc 1 đường thẳng 3 điểm đó không cùng thuộc 1 đường thẳng. Vẽ một đường thẳng rồi lấy 3 điểm trên đường thẳng ấy. Bài 10a: Vẽ 3 điểm M, N, P thẳng hàng.  Vẽ đường thẳng rồi lấy 2 điểm thuộc đường thẳng ấy và 1 điểm không thuộc đường thẳng ấy. Bài 10c: Vẽ 3 điểm T, Q, R không thẳng hàng.  - Dùng thước thẳng để giống.	1. Thế nào là ba điểm thẳng hàng (15 phút)  Khi 3 điểm A, B, C cùng thuộc một đường thẳng ta nói chúng thẳng hàng.  Khi 3 điểm A, B, C không cùng thuộc bất kì đường thẳng nào, ta nói chúng không thẳng hàng.

Có thể xảy ra trường hợp nhiều điểm cùng thuộc đường thẳng không? Vì sao? Nhiều điểm không cùng thuộc đường thẳng không? Vì sao? Giới thiệu nhiều điểm thẳng hàng, nhiều điểm không thẳng hàng. Cho HS HĐ cá nhân làm bài 8 trong 2 phút. Trả lời bài 8?	Trả lời. Nghe giảng. Hoạt động cá nhân làm bài 8. Ba điểm A, M, N thẳng hàng.	
Cho HS quan sát hình 9 - SGK và trả lời các câu hỏi sau: Điểm C ở vị trí như thế nào so với hai điểm A và B? Vị trí hai điểm C và B như thế nào so với điểm A? Vị trí hai điểm A và C như thế nào so với điểm B? Vị trí hai điểm A và B như thế nào so với điểm C? Trên hình có mấy điểm được biểu diễn? có bao nhiêu điểm nằm giữa hai điểm A và B? rút ra nhận xét? Nếu nói rằng “điểm K nằm giữa hai điểm P và Q” thì ba điểm ấy có thẳng hàng không? Giới thiệu chú ý.	Quan sát và trả lời. Trên hình có 3 điểm được biểu diễn. có một điểm C nằm giữa điểm A và B. Ba điểm này thẳng hàng.	<u>2. Quan hệ giữa 3 điểm thẳng hàng (14 phút)</u>  - Điểm C nằm giữa 2 điểm A và B. - Hai điểm C và B nằm cùng phía đối với điểm A. - Hai điểm A và C nằm cùng phía đối với điểm B. - Hai điểm A và B nằm khác phía đối với điểm C. * Nhận xét: (Sgk - 106). Chú ý: Nếu biết một điểm nằm giữa hai điểm thì ba điểm ấy thẳng hàng. Không có khái niệm nằm giữa khi ba điểm không thẳng hàng.

GIÁO ÁN HÌNH HỌC 6

Cho HS làm tiếp bài tập 10b (106) Vẽ 3 điểm A, B, C thẳng hàng sao cho B không nằm giữa A và C?	Một HS lên bảng vẽ hình, dưới lớp làm vào vở.  Vẽ 2 trường hợp: a)  b) 	
---	--	--

c) **Củng cố, luyện tập (10 phút)**

Cho HS HĐ cá nhân làm bài 11 trong 3 phút, sau đó gọi HS lên bảng điền.	Thực hiện và báo cáo kết quả.	<u>Bài 11(SGK - 107)(5 phút)</u> a) R b) Cùng phía c) M, R, N
Đọc đề, cho HS vẽ hình theo lời giáo viên.	Đọc đề, vẽ hình. Một HS lên bảng làm, dưới lớp làm vào vở	<u>Bài 13(SGK 107)(5 phút)</u> 
Thế nào là 3 điểm thẳng hàng? Quan hệ giữa 3 điểm thẳng hàng?	Khi ba điểm đó cùng thuộc một đường thẳng Có một và chỉ 1 điểm nằm giữa hai điểm còn lại	

d) **Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà(1 phút)**

- Học bài theo vở ghi và SGK.
- Nắm được khi nào thì ba điểm thẳng hàng, không thẳng hàng.
- Học thuộc nhận xét.
- BTVN: 9; 11; 12; 13; 14 (T 106-107. SGK).
- Đọc trước bài: Đường thẳng đi qua 2 điểm.



Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 3. ĐƯỜNG THẲNG ĐI QUA HAI ĐIỂM

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

- Học sinh hiểu có một và chỉ một đường thẳng đi qua 2 điểm phân biệt. Lưu ý học sinh có vô số đường không thẳng đi qua 2 điểm.
- Nắm vững vị trí tương đối của đường thẳng trên mặt phẳng.

b) Kỹ năng.

- Học sinh biết vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm, đường thẳng cắt nhau, song song.
- Vẽ cẩn thận, chính xác đường thẳng đi qua 2 điểm A và B.

c) Thái độ.

- Yêu thích môn học.

2. Chuẩn bị

a) GV: Thước thẳng, phấn màu, bảng phụ.

b) HS: Thước thẳng.

3. Tiến trình bài dạy

a) Kiểm tra bài cũ(7 phút)

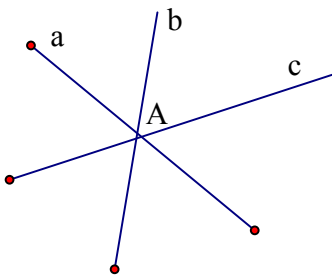
Câu hỏi

HS₁: Khi nào 3 điểm A, B, C thẳng hàng, không thẳng hàng? Cho điểm A vẽ đường thẳng đi qua A. Vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua A?

Đáp án

HS: Khi 3 điểm A, B, C cùng thuộc một đường thẳng ta nói chúng thẳng hàng.

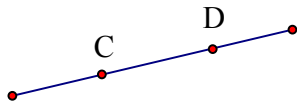
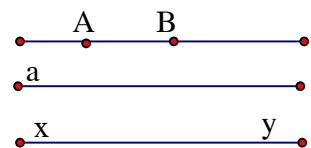
Khi 3 điểm A, B, C không cùng thuộc bất kì đường thẳng nào, ta nói chúng không thẳng hàng. (5 điểm)



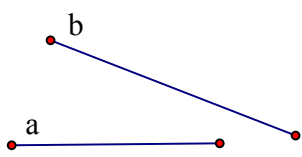
Có vô số các đường thẳng đi qua A. (6 điểm)

b) Nội dung bài mới

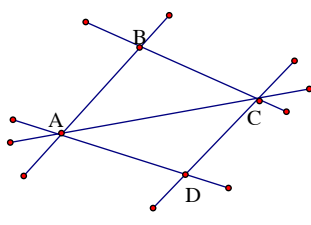
Đặt vấn đề Để vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm ta phải làm thế nào và vẽ được mấy đường thẳng đi qua 2 điểm đó, tên của đường thẳng là gì?

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Đọc nội dung phần 1. Nêu cách vẽ đường thẳng đi qua hai điểm? Vẽ đường thẳng đi qua hai điểm C và D? Có thể vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm A và B? Cho hai điểm E và F. Hãy vẽ đường thẳng đi qua hai điểm E và F? Hỏi vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua E, F? Đọc đề bài 15? Trả lời bài 15? Yêu cầu HS đọc mục 2(SGK - 108) thảo luận trong 3 phút theo nhóm các cách đặt tên đường thẳng. Các nhóm trình bày? Nhận xét, chốt lại. Đưa ra hình minh họa cho ba cách đặt tên đường thẳng.	Đọc nội dung phần 1. Muốn vẽ đường thẳng đi qua hai điểm A và B ta làm như sau: Đặt cạnh thước đi qua hai điểm A, B. Dùng đầu chì vạch theo cạnh thước.  Chỉ vẽ được một đường thẳng đi qua A; B  Chỉ vẽ được một đường thẳng đi qua E, F. Đọc đề Bài 15. a) Đ b) Đ Hoạt động nhóm nghiên cứu phần 2. Đại diện nhóm trả lời Nghe giảng.	<u>1. Vẽ đường thẳng (9 phút)</u> Muốn vẽ đường thẳng đi qua hai điểm A và B ta làm như sau: Đặt cạnh thước đi qua hai điểm A, B. Dùng đầu chì vạch theo cạnh thước. <u>Nhận xét:</u> Có một và chỉ một đường thẳng đi qua 2 điểm A và B. <u>2. Tên đường thẳng(9 phút)</u> Có 3 cách: + C₁: Dùng 2 chữ cái in hoa AB(BA) (Tên của 2 điểm thuộc đường thẳng đó). + C₂: Dùng một chữ cái in thường. + C₃: Dùng 2 chữ cái in thường. 

Cho HS HĐ các nhân làm [?] (SGK - 108). Cho 3 điểm A, B, C không thẳng hàng. Vẽ đường thẳng AB; AC. Hai đường thẳng này có đặc điểm gì? Ngoài A còn điểm chung nào nữa không? Hai đường thẳng AB; AC gọi là 2 đường thẳng cắt nhau, A gọi là giao điểm. Có xảy ra 2 trường hợp: 2 đường thẳng có vô số điểm chung không? Đặt vấn đề: Trong mặt phẳng ngoài 2 vị trí tương đối của 2 đường thẳng là cắt nhau (có 1 điểm chung), trùng nhau (vô số điểm chung) thì có thể xảy ra trường hợp 2 đường thẳng không có điểm chung không? Lưu ý: Dù 2 đường thẳng xy và x'y' kéo dài mãi về hai phía. Hai đường thẳng không trùng nhau là 2 đường thẳng phân biệt.	Thực hiện và trả lời. 1 HS thực hiện trên bảng, cả lớp vẽ vào vở. Nhận xét: 2 đường thẳng AB; AC có một điểm chung là A. Không Có (hình 18- T108) Đọc chú ý: SGK - 109.	[?] A B C Nếu đường thẳng chứa 3 điểm A, B, C thì có 6 cách gọi tên đường thẳng: Đường thẳng: AB; BC; AC; CA; CB; BA. <u>3.Đường thẳng trùng nhau, cắt nhau, song song(9 phút)</u> Hai đường thẳng AB và AC chỉ có một điểm chung A,ta nói chúng cắt nhau. Và A là giao điểm. - Hai đường thẳng a và b có vô số điểm chung, ta nói a và b trùng nhau. a b Hai đường thẳng xy và x'y' không có điểm chung ta nói xy và x'y' song song. * Chú ý: (SGK-109)
---	---	--

Từ nay về sau: Khi nói đến 2 đường thẳng mà không nói gì thêm, ta hiểu đó là 2 đường thẳng phân biệt. Tìm trong thực tế hình ảnh của 2 đường thẳng cắt nhau, song song? Yêu cầu 3 HS lên bảng vẽ các trường hợp của 2 đường thẳng phân biệt, đặt tên. Hai đường thẳng sau có cắt nhau không? 	Lấy ví dụ. HS lên bảng vẽ hình. Vì đường thẳng không có giới hạn về 2 phía, nếu kéo dài ra mà chúng có điểm chung thì chúng cắt nhau.	
--	--	--

c) Củng cố, luyện tập (10 phút)

Cho HS HĐ nhóm làm bài 16. Độc đề? Có mấy đường thẳng đi qua 2 điểm phân biệt? Qua 4 điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng, vẽ được bao nhiêu đường thẳng? <u>Củng cố</u> Với 2 đường thẳng có những vị trí nào? Chỉ ra số giao điểm trong từng trường hợp?	HS HĐ theo bàn thảo luận trả lời bài 16 trong 3 phút. Sau đó báo cáo kết quả. Độc đề. Một đường thẳng. Vẽ được 6 đường thẳng Có 3 vị trí: Cắt nhau (1 giao điểm); song song (không giao điểm); trùng nhau (vô số giao điểm).	<u>Bài 16(SGK - 109)</u> a) Bao giờ cũng có đường thẳng đi qua 2 điểm cho trước. b) Vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm trong 3 điểm đã cho, rồi quan sát xem đường thẳng đó có đi qua điểm thứ 3 hay không? <u>Bài 17 (SGK - T 109)</u> 6 đường thẳng: AB; AC; AD; CB; DC; DB. 
---	---	---

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (1 phút).

- Học thuộc bài.

- BTVN: 15; 17; 18;20 (SGK-T 109).
- Đọc kĩ trước bài thực hành trang 110.
- Mỗi tổ chuẩn bị: 3 cọc tiêu theo quy định của SGK, 1 dây dọi
 - (dài 1,5 m; có một đầu nhọn).

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 4 THỰC HÀNH TRỒNG CÂY THẲNG HÀNG

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

- Học sinh biết trồng cây hoặc chôn các cọc thẳng hàng với nhau dựa trên các khái niệm 3 điểm thẳng hàng.

b) Kỹ năng

- Biết kiểm tra đường thẳng đứng bằng dây dọi.
- Làm quen với cách tổ chức công việc thực hành.

c) Thái độ.

- Giáo dục tinh thần đoàn kết hợp tác trong hoạt động nhóm

2. Chuẩn bị

a) GV: Phân công mỗi tổ: 3 cọc tiêu, 1 dây dọi, 1 búa đóng cọc, 1 sợi dây mềm (15m).

b) HS: Chuẩn bị dụng cụ thực hành - Biên bản thực hành.

3. Tiến trình bài dạy.

a) Kiểm tra bài cũ

- Kiểm tra dụng cụ thực hành.

b) Nội dung bài mới

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: Thông báo nhiệm vụ (5 phút)	
I. Nhiệm vụ: 1. Chọn các cọc hàng rào, thẳng hàng nằm giữa 2 cột mốc A và B. 2. Đào hố trồng cây thẳng hàng với hai cây A và B đã có bên lề đường. Khi đã có những dụng cụ trong tay chúng ta cần tiến hành làm như thế nào?	- Hai HS nhắc lại nhiệm vụ phải làm (Hoặc phải biết cách làm) trong tiết học này. - Cả lớp ghi bài
Hoạt động 2: Tìm hiểu cách làm (10 phút)	

II. Hướng dẫn cách làm: Làm mẫu trước toàn lớp: * Cách làm: - Bước 1: Cắm cọc tiêu A, B thẳng đứng. - Bước 2: HS₁ đứng ở vị trí gần A. HS₂ đứng ở vị trí C (C áng chừng nằm giữa A và B). - Bước 3: HS₁ ngẩng và ra hiệu cho HS₂ đặt cọc tiêu ở vị trí C sao cho HS₁ thấy cọc tiêu A che lấp hoàn toàn 2 cọc tiêu ở vị trí B và C. → Khi đó A, B, C thẳng hàng. Thao tác: Chèn cọc C thẳng hàng với 2 cọc A, B ở cả 2 vị trí của C. Thao tác: Chèn cọc C thẳng hàng với 2 cọc A, B ở cả 2 vị trí của C.	- Cả lớp cùng đọc mục 3-T110 (SGK)(hướng dẫn cách làm) và quan sát kĩ 2 tranh vẽ ở hình 24; 25 (trong thời gian 3ph). Hai đại diện HS nêu cách làm. * HS ghi bài. - Lần lượt 2HS thao tác đặt cọc C thẳng hàng với 2 cọc A, B trước toàn lớp (Mỗi học HS thực hiện 1 trường hợp về vị trí của C đối với A, B).
Hoạt động 3: Học sinh thực hành theo nhóm. (20 phút)	
Quan sát các nhóm HS thực hành, nhắc nhở, điều chỉnh khi cần thiết.	- Nhóm trưởng (tổ trưởng) phân công nhiệm vụ cho từng thành viên tiến hành chôn cọc thẳng hàng với 2 mốc A và B mà giáo viên cho trước (cọc ở giữa 2 mốc A, B; cọc nằm ngoài A; B). - Mỗi nhóm HS có ghi lại biên bản thực hành theo trình tự các khâu. 1. Chuẩn bị thực hành (kiểm tra từng cá nhân). 2. Thái độ, ý thức thực hành (cụ thể từng cá nhân). 3. Kết quả thực hành: Nhóm tự đánh giá: Tốt - Khá - Trung bình (hoặc có thể tự cho điểm).
Hoạt động 4: Tổng kết thực hành.(5 phút)	
Nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của từng nhóm. Tập trung HS và nhận xét toàn lớp	
Hoạt động 5 : Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (5 phút)	
HS vệ sinh chân tay, cất dụng cụ chuẩn bị vào giờ học sau. Dẫn dò HS chuẩn bị dụng cụ học tập cho tiết học sau.	

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 5 **TIA**

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

- Học sinh biết định nghĩa mô tả tia bằng các cách khác nhau.
- Học sinh biết thế nào là 2 tia đối nhau, 2 tia trùng nhau.

b) Kỹ năng.

- Học sinh biết vẽ tia, biết đọc tên của một tia. Biết phân loại 2 tia chung gốc.
- Phát biểu chính xác các mệnh đề toán học, rèn luyện kỹ năng vẽ hình, quan sát, nhận xét của HS.

c) Thái độ.

- Yêu thích môn học.

2. Chuẩn bị

a) GV: Thước thẳng, phấn màu, bảng phụ (BT 22-112 SGK).

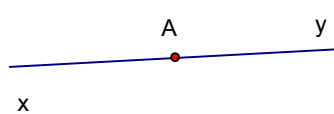
b) HS: Thước thẳng, bút khác màu.

3. Tiến trình bài dạy.

a) *Kiểm tra bài cũ*

b) *Nội dung bài mới*

Đặt vấn đề: Đặt vấn đề như SGK - 111

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò.	Ghi bảng
Yêu cầu HS đọc phần 1 Vẽ hình lên bảng Giới thiệu: Hình gồm điểm O và phần đường thẳng này là một tia gốc O. Yêu cầu một HS lên bảng dùng phấn màu tô phần đường thẳng Oy rồi nói tương tự như trên. Thế nào là một tia gốc O? Đọc đề bài 22a(SGK - 112)? Trả lời?	Đọc phần 1. Dùng bút khác màu tô đậm phần đường thẳng Oy. Đọc định nghĩa trong SGK. Hình tạo thành bởi điểm O và một phần đường thẳng bị chia ra bởi điểm O được gọi là một tia gốc O.	<u>1.Tia.(16 phút)</u>  ĐN: Hình gồm điểm O và một phần đường thẳng bị chia ra bởi điểm O được gọi là một tia gốc O (còn được gọi là một nửa đường thẳng gốc O)

- Giới thiệu trên hình 26 có 2 tia Ox , Oy .

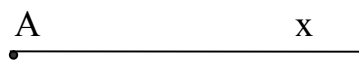
- Khi đọc (hay viết) tên 1 tia phải đọc (viết) tên gốc trước.

Hai tia Ox và Oy còn gọi là nửa đường thẳng Ox , Oy .

Nhấn mạnh: Ta cũng dùng một vạch thẳng để biểu diễn 1 tia, gốc tia được vẽ rõ.

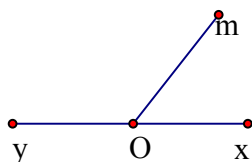
- Tia Ox bị giới hạn bởi điểm O , không bị giới hạn về phía x .

Tia Ax bị giới hạn bởi điểm nào? không bị giới hạn về phía nào?



3 HS làm bài 25 ?

Đọc tên các tia có trên hình vẽ sau?



Hai tia Ox và Oy trên hình có đặc điểm gì?

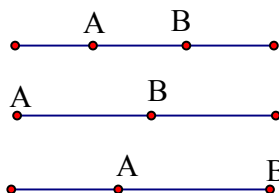
Hai tia Ox và Oy cùng nằm trên 1 đường thẳng, chung gốc O nên được gọi là hai tia đối nhau.

Nghe giảng và ghi bài.

Khi đọc (hay viết) tên 1 tia phải đọc (viết) tên gốc trước.

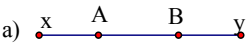
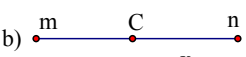
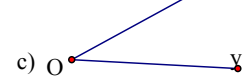
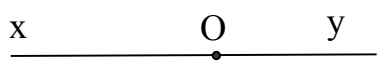
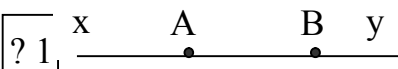
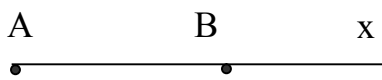
Tia Ax bị giới hạn bởi điểm A , không giới hạn về phía x .

Bài 25/ 113



Tia Ox , Oy , Om .

- Cùng nằm trên 1 đường thẳng, chung gốc O .

Đọc phần 2? Hai tia đối nhau phải có điều kiện gì? Đưa ra BT: Xét xem trong các hình sau hình nào biểu diễn hai tia đối nhau. a)  b)  c)  Từ hình a giới thiệu nhận xét Đọc ?1 Trả lời ?1 ? Tia AB và tia Ay có đối nhau không? Hai tia AB và Ax gọi là hai tia trùng nhau. Dùng phần màu xanh vẽ tia AB, rồi dùng phần màu vàng vẽ tia Ax. Các nét phần trùng nhau $\Rightarrow$ Hai tia	Nghiên cứu phần 2. (1). Chung gốc. (2). Hai tia tạo thành 1 đường thẳng. Hình a và b biểu diễn hai tia đối nhau. Ghi nhận xét. a. Tia Ax và tia By không là hai tia đối nhau vì hai tia không chung gốc. b. Trên hình có các tia đối nhau là: - Tia Ax và tia Ay đối nhau. - Tia Bx và tia By đối nhau. Không vì 2 tia AB và Ay không tạo thành một đường thẳng mặc dù có chung gốc A.	<u>2. Hai tia đối nhau (13 phút)</u> Hai tia chung gốc Ox và Oy tạo thành đường thẳng xy được gọi là hai tia đối nhau.  * Nhận xét: Mỗi điểm trên đường thẳng là hai tia đối nhau.  Trên đường thẳng xy lấy hai điểm A và B: a. Tia Ax và tia By không là hai tia đối nhau vì hai tia không chung gốc. b. Trên hình có các tia đối nhau là: - Tia Ax và tia Ay đối nhau. - Tia Bx và tia By đối nhau. <u>3. Hai tia trùng nhau. (10 phút)</u>  Hai tia trùng nhau là hai tia
---	---	--

Trường THCS Liêm Phong
19
Tổ Khoa Học Tự Nhiên

c) *Củng cố (5 phút)*

Đọc đề bài? Gọi HS đứng tại chỗ trả lời?	Đọc đề. Một HS trả lời, dưới lớp quan sát và nhận xét.	<u>Bài 22 (SGK - 112)</u> b) Hai tia Rx và Ry. c) AB và AC. CA và CB Trùng nhau
---	---	---

d) *Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà(1 phút)*

- Học thuộc định nghĩa - tia gốc O; 2 tia đối nhau, 2 tia trùng nhau.
- BTVN: 23; 24 (113 - SGK) + 26; 27; 28 (99 - SBT).



Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 6

LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

- Củng cố các kiến thức về tia.

b) Kỹ năng.

- Luyện cho học sinh kỹ năng phát biểu định nghĩa tia , hai tia đối nhau .
- Luyện cho học sinh kỹ năng nhận biết tia, hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau, củng cố điểm nằm giữa , điểm nằm cùng phía, khác phía qua đọc hình.
- Luyện kỹ năng vẽ hình.

c) Thái độ.

- Yêu thích bộ môn.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên: SGK, Thước thẳng, bảng phụ.

b) Học sinh: SGK, thước thẳng

3. Tiến trình bài dạy.

a) *Kiểm tra bài cũ(7 phút)*

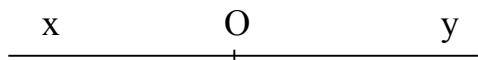
Câu hỏi

Vẽ đường thẳng xy. Lấy điểm O bất kì trên xy

Chỉ ra và viết tên hai tia chung gốc O. Tô đỏ một trong hai tia , tô xanh tia còn lại.

Viết tên hai tia đối nhau? Hai tia đối nhau có đặc điểm gì?

Đáp án



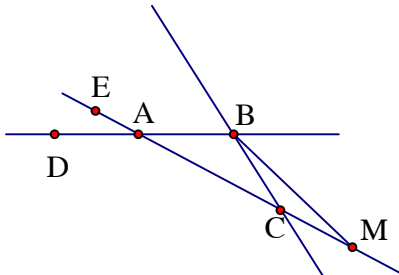
- + Hai tia chung gốc: tia Ox , tia Oy
- + Hai tia đối nhau là tia Ox và tia Oy

Hai tia đối nhau có đặc điểm là chung gốc và hai tia tạo thành một đường thẳng. (10 điểm)

b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề: Tiết hôm nay chúng ta sẽ cùng làm một số BT để củng cố các kiến thức về tia.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Đưa ra đề bài: Vẽ hai tia đối nhau Ot và Ot' a) Lấy $A \in Ot$; $B \in Ot'$ b) Chỉ ra các tia trùng nhau. c) Tia At và tia Bt' có đối nhau không? Vì sao? d) Chỉ ra vị trí của 3 điểm A, O, B đối với nhau Cho HS làm BT trên trong 3 phút. Vẽ hai tia đối nhau Ot và Ot'. Lấy $A \in Ot$; $B \in Ot'$? Chỉ ra các tia trùng nhau trên hình? Tia At và tia Bt' có đối nhau không? Vì sao? Đưa ra đề bài 2 yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài trong 2 phút. Điền vào chỗ trống để được câu đúng trong các phát biểu sau:	Thực hiện Một HS lên bảng vẽ hình, dưới lớp vẽ vào vở. Tia Ot và tia OA là hai tia trùng nhau; tia OB và tia Ot' là hai tia trùng nhau. Tia At và tia Bt' không đối nhau vì không chung gốc. Hoạt động các nhân làm bài 2 trong 3 phút, sau đó HS đứng tại chỗ trả lời.	<u>Bài 1(12 phút)</u> a. b) Tia Ot và tia OA là hai tia trùng nhau; tia OB và tia Ot' là hai tia trùng nhau. c) Tia At và tia Bt' không đối nhau vì không chung gốc. d) O nằm giữa A và B. A nằm khác phía so với O và B...

1.Điểm K nằm trên đường thẳng xy là gốc chung của..... 2.Nếu điểm A nằm giữa hai điểm B và C thì: - Hai tiađối nhau - Hai tia CA vàtrùng nhau. - Hai tia BA và BC 3.Hai tia đối nhau là..... Đưa ra đề bài: Bài 3: Trong các câu sau , em hãy chọn câu đúng: a.Hai tia Ax và Ay chung gốc thì đối nhau: b.Hai tia Ax ; Ay cùng nằm trên đường thẳng xy thì đối nhau. c.Hai tia Ax ; By cùng nằm trên đường thẳng xy thì đối nhau. d.Hai tia cùng nằm trên đường thẳng xy thì trùng nhau. Cho HS thảo luận theo bàn làm bài trong 2 phút. Đưa ra đề bài: Vẽ 3 điểm không thẳng hàng A,B,C . 1.Vẽ ba tia AB;AC;BC 2.Vẽ các tia đối nhau: AB và AD AC và AE 3.Lấy M thuộc tia AC ,vẽ tia BM. Cho HS vẽ hình vào vở.	Thảo luận theo bàn trả lời câu hỏi sau đó nhận xét chéo kết quả của các bàn. Vẽ hình vào vở. Từng HS lên bảng vẽ hình.	<u>Bài 2 (7 phút)</u> 1.Hai tia đối nhau 2. Nếu điểm A nằm giữa hai điểm B và C thì: - AB và AC - CB - Trùng nhau 3.hai tia chung gốc và tạo thành một đường thẳng. <u>Bài 3(7 phút)</u> a.Sai b.Đúng c.Sai d.Sai <u>Bài 4 (10 phút)</u> 
--	--	---

c) Củng cố(1 phút)

? Thế nào là hai tia đối nhau? Hai tia trùng nhau?

d) Hướng dẫn học ở nhà(1 phút)

- Ôn tập kỹ lý thuyết.
- Làm tốt các bài tập 24,26,28(SBT – 99)
- Đọc trước bài mới

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 7.

ĐOẠN THẲNG

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

- Biết định nghĩa đoạn thẳng.

b) Kỹ năng.

- Biết vẽ đoạn thẳng. Biết nhận dạng đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, cắt tia. Biết mô tả hình vẽ bằng các cách diễn đạt khác nhau.

c) Thái độ.

- Giáo dục tính cẩn thận, chính xác.

2. Chuẩn bị

a) GV: Phấn màu, thước thẳng, bảng phụ.

b) HS: Bút màu, thước thẳng.

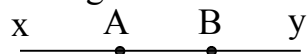
3. Tiến trình bài dạy.

a) Kiểm tra bài cũ (5 phút)

Câu hỏi

HS: Định nghĩa tia gốc O? Thế nào là 2 tia trùng nhau? Hai tia đối nhau?

Cho đường thẳng xy, lấy $A \in xy$, $B \in xy$. Nêu các tia trùng nhau? Đối nhau?



Đáp án

HS: Hình gồm điểm O và một phần đường thẳng bị chia ra bởi điểm O được gọi là một tia gốc O (còn được gọi là một nửa đường thẳng gốc O) (3 điểm)

Hai tia chung gốc Ox và Oy tạo thành đường thẳng xy được gọi là hai tia đối nhau.

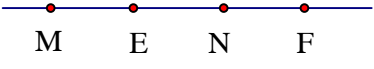
Hai tia trùng nhau là hai tia có chung gốc và tia này nằm trên tia kia. (3 điểm)

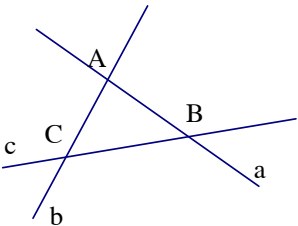
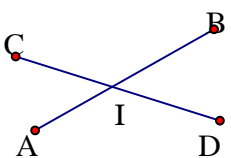
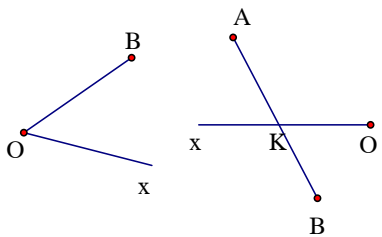
BT: Hai tia trùng nhau: BA và Bx; AB và Ay

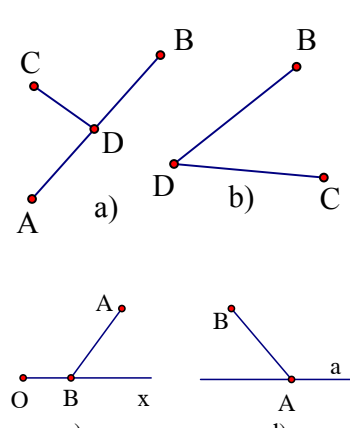
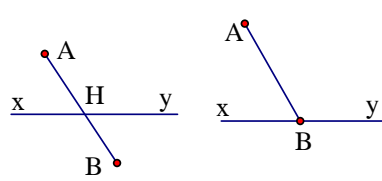
Hai tia đối nhau: Ax và Ay; Bx và By (4 điểm)

b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề : Đặt vấn đề như SGK - 114.

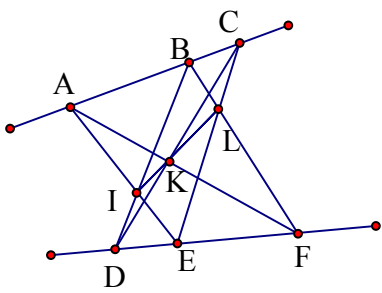
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Vẽ hai điểm A và B? Đặt mép thước đi qua hai điểm A và B. dùng phấn vạch theo mép thước từ A đến B. Ta được một hình. Hình này gồm bao nhiêu điểm? là những điểm như thế nào? Đoạn thẳng AB là hình như thế nào? Hướng dẫn cách vẽ đoạn thẳng AB như SGK. Khi vẽ đoạn thẳng AB, ta thấy đầu C của bút chì trùng với những điểm nào? Đoạn thẳng AB là gì? Hướng dẫn cách đọc đoạn thẳng AB. Đưa ra đề bài 33, yêu cầu HS làm trong 2 phút. Gọi HS lên bảng làm bài 33? Cho 2 điểm M, N. Vẽ đường thẳng MN. Trên đường thẳng này có đoạn thẳng nào không? Yêu cầu HS vẽ tiếp đoạn thẳng EF thuộc đường thẳng MN.	Vẽ hình. Thực hành vẽ vào vở. C trùng với A hoặc trùng B hoặc nằm giữa 2 điểm A và B. Nêu định nghĩa. Bài 33/115 a) R và S; R và S b) R; S c) Điểm P, điểm Q và tất cả các điểm nằm giữa P và Q. Có: đoạn thẳng MN. (Dùng bút khác màu tô đoạn thẳng đó)	<u>1. Đoạn thẳng AB là gì?</u> <u>(20 phút)</u> * ĐN: Đoạn thẳng AB là hình gồm điểm A, điểm B và tất cả các điểm nằm giữa A và B.  - Đoạn thẳng AB còn gọi là đoạn thẳng BA. - Hai điểm A, B là 2 mút (hoặc hai đầu) của đoạn thẳng AB. 

Trên hình có những đoạn thẳng nào? Có nhận xét gì về các đoạn thẳng với đường thẳng đó? Vẽ 3 đường thẳng a, b, c cắt nhau đôi một tại các điểm A, B, C. Chỉ ra các đoạn thẳng trên hình vẽ? Chỉ ra 3 tia trên hình vẽ? Treo bảng phụ. Quan sát hình vẽ. (hình 33; 34; 35-SGK) Hai đoạn thẳng có đặc biệt gì ta nói chúng cắt nhau? Đoạn thẳng cắt tia khi chúng có đặc điểm gì? Hỏi tương tự: Đoạn thẳng cắt đường thẳng? Có những trường hợp giao điểm trùng với đầu mút đoạn thẳng hoặc trùng với gốc tia.	ME, MN, MF, EN, EF, NF. Nhận xét: Đoạn thẳng là một phần của đường thẳng chứa nó.  Các đoạn thẳng: AB; AC; BC Các tia: AB; AC; BC Có 1 điểm chung. Có 1 điểm chung. Lên bảng vẽ 1 vài trường hợp khác về 2 quan hệ trên.	<u>2. Đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, cắt tia, cắt đường thẳng.(13 phút)</u> * Hai đoạn thẳng AB và CD cắt nhau; Giao điểm I.  * Đoạn thẳng AB cắt tia Ox tại giao điểm là K.  * Đoạn thẳng AB và đường thẳng xy cắt nhau, giao điểm H.
---	---	---

Nhận biết xem hình nào biểu diễn đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, cắt tia, cắt đường thẳng ? 	Hình a, b là đoạn thẳng cắt đoạn thẳng. Hình c là đoạn thẳng cắt tia. Hình d là đoạn thẳng cắt đường thẳng	
---	---	---

c) Củng cố, luyện tập (10 phút)

Đọc đề bài? Chọn câu đúng? Cho HS đọc đề bài 36 và quan sát hình 36/116. Đường thẳng a có đi qua mút của đoạn thẳng nào không? Đường thẳng a cắt những đoạn thẳng nào? Đường thẳng a không cắt đoạn thẳng nào? Đọc đề? Làm bài 39?	Đáp án d Không. Đường thẳng a cắt AB và AC . Đường thẳng a không cắt BC. Một HS lên bảng làm, dưới lớp làm vào vở.	3. Luyện tập <u>Bài 35 (116 - SGK).</u> Câu d đúng <u>Bài 36 (116-SGK)</u> a) Không b) cắt đoạn thẳng AB và CA. c) Không có đoạn thẳng BC. <u>Bài 39 (SGK - 116)</u>
--	--	---

Nêu định nghĩa đoạn thẳng AB?	Phát biểu định nghĩa.	 I, K, L thẳng hàng.
-------------------------------	-----------------------	--

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (2 phút)

- Học thuộc định nghĩa.
- Tập vẽ: Đoạn thẳng cắt đoạn thẳng; đoạn thẳng cắt tia; đoạn thẳng cắt đường thẳng.
- Làm các BTVN: 34; 36; 37; 38 (116-SGK)
- Đọc trước bài: “Độ dài đoạn thẳng”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 8. Độ Dài Đoạn Thẳng

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

- HS biết độ dài đoạn thẳng là gì?

b) Kỹ năng.

- HS biết sử dụng thước đo độ dài để đo đoạn thẳng. Biết so sánh hai đoạn thẳng.

c) Thái độ.

- Giáo dục tính cẩn thận khi đo.

2. Chuẩn bị

a) GV: Thước thẳng có chia khoảng, thước dây, thước gấp ... đo độ dài.

b) HS: Thước thẳng có chia khoảng, một số loại thước đo độ dài mà em có.

3. Tiến trình bài dạy.

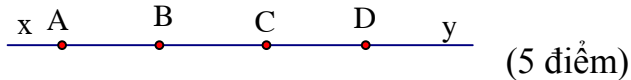
a) Kiểm tra bài cũ (5 phút)

Câu hỏi

HS₁: Đoạn thẳng AB là gì? Em hãy vẽ 1 đường thẳng xy, trên đó lấy lần lượt 4 điểm A, B, C, D theo thứ tự đó. Đếm được bao nhiêu đoạn thẳng? Kể tên?

Đáp án

HS: Đoạn thẳng AB là hình gồm điểm A, điểm B và tất cả các điểm nằm giữa A và B. (3 điểm)

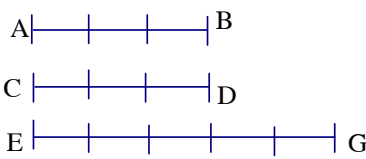


Có 6 đoạn thẳng đó là: AB; AC; AD; BC; BC; CD (2 điểm)

b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề: Ta đã biết cách vẽ 1 đoạn thẳng, muốn biết đoạn thẳng đó dài hay ngắn ta phải thực hiện phép đo. Vậy cách đo một đoạn thẳng ta thực hiện như thế nào? Bài hôm nay:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Đoạn thẳng AB là gì? Hãy đo quyển sách Toán 6 này (Đo cả chiều dài và chiều rộng) Gọi HS đọc kết quả? Cho một đoạn thẳng, một bạn lên bảng đo độ dài đoạn thẳng AB và đọc kết quả. Để đo độ dài đoạn thẳng người ta phải sử dụng những dụng cụ đo nào? Cách đo như thế nào? Dụng cụ đo đoạn thẳng? Cho đoạn thẳng AB. Gọi 1 HS lên bảng đo và nêu rõ cách đo. Như ta đã biết độ dài đoạn thẳng AB bằng 3 cm, kí hiệu là $AB = 3\text{cm}$. Ngoài việc nói độ dài đoạn thẳng AB là 3cm, ta còn nói khoảng cách giữa	Thực hiện đo và báo cáo kết quả. Một HS lên bảng thực hiện đo. Thước thẳng. Thước cuộn Thước xích Thước gấp Một HS lên bảng, dưới lớp quan sát và nhận xét.	<u>1. Đo đoạn thẳng (17 phút)</u> a) Dụng cụ đo Thước thẳng. Thước cuộn Thước xích Thước gấp b) Cách đo: Đặt cạnh thước đi qua hai điểm A và B sao cho điểm A trùng với vạch số 0 và điểm B trùng với một vạch nào đó trên thước. * Nhận xét: (SGK-117).

A và B là 3cm; hay A cách B một khoảng là 3cm. Cho hai điểm A và B ta có thể xác định được khoảng cách AB. Nếu khi điểm A trùng với điểm B thì theo các em khoảng cách giữa A và B là bao nhiêu? Khi có một đoạn thẳng thì tương ứng với nó có mấy độ dài? Độ dài đó là số dương hay số âm? Cần phân biệt độ dài đoạn thẳng là một số dương (lớn hơn 0). Khoảng cách giữa hai điểm có thể bằng 0. Thực hiện đo chiều rộng, chiều dài của quyển vở của em rồi thông báo kết quả? Đọc SGK và cho biết thế nào là hai đoạn thẳng bằng nhau, đoạn thẳng dài hơn, ngắn hơn đoạn thẳng kia? Giả sử ta có $AB = 3 \text{ cm}$; $CD = 3 \text{ cm}$; $EG = 4 \text{ cm}$. So sánh độ dài của AB và CD? So sánh độ dài của AB và EG? Cho HS làm ?1	Khi 2 điểm A và B trùng nhau, ta nói khoảng cách giữa 2 điểm A và B bằng 0. Có một độ dài, độ dài đoạn thẳng là một số dương. Thực hiện và báo cáo kết quả. Đọc SGK và trả lời câu hỏi. Đoạn thẳng AB bằng đoạn thẳng CD. Đoạn thẳng CD ngắn hơn đoạn thẳng EG. Đoạn thẳng EG dài hơn đoạn thẳng AB.	* Khi 2 điểm A và B trùng nhau, ta nói khoảng cách giữa 2 điểm A và B bằng 0. <u>2. So sánh hai đoạn thẳng (15 phút)</u>  Hai đoạn thẳng AB và CD bằng nhau hay có cùng độ dài. Kí hiệu $AB = CD$ Đoạn thẳng EG dài hơn (lớn hơn) đoạn thẳng CD và kí hiệu $EG > CD$ Đoạn thẳng AB ngắn hơn (nhỏ hơn) đoạn thẳng EG và kí hiệu $AB < EG$.
---	---	--

GIÁO ÁN HÌNH HỌC 6

Trả lời ?1 ?	?1 a) $EF = GH$; $AB = IK$ b) $EF < CD$ hay $CD > EF$	
Quan sát hình 42 và trả lời ?2 ?	?2 a) Thước dây b) Thước gấp c) Thước xích.	
Đưa ra hình 44. Đọc đề? Làm bài 42?	Thực hành đo độ dài đoạn thẳng cho kết quả. So sánh AB và AC. $1 \text{ inch} = 2,54\text{cm} = 25,4\text{mm}$	<u>Bài 42 (SGK -119)</u> Đo: $AB = AC$
Trả lời ?3 ?		

c) Củng cố, luyện tập (6 phút)

Làm bài 43?	Một HS lên bảng làm, dưới lớp làm vào vở.	<u>Bài 43 (SGK -119)</u> Sắp xếp các đoạn thẳng AB, BC, CA trong hình 45 theo thứ tự tăng dần: $AC < AB < BC$
*) <u>Củng cố</u> Để đo đoạn thẳng người ta dùng những dụng cụ đo nào? Nêu cách đo? So sánh đoạn thẳng thực chất là so sánh điều gì của đoạn thẳng?		

d) Hướng dẫn về nhà (2 phút)

- Học thuộc nhận xét về độ dài đoạn thẳng, cách đo đoạn thẳng.
- Nắm vững cách so sánh hai đoạn thẳng.
- BTVN: 41; 44; 45 (119-SGK) + 34; 35; 37 (100; 101-SBT)
- HD Bài 45: Đo độ dài từng hình $\Rightarrow$ Tính chu vi của từng hình $\Rightarrow$ Rút ra kết luận

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 9. **KHI NÀO THÌ $AM + MB = AB$?**

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

– HS nắm chắc tính chất: Nếu điểm M nằm giữa 2 điểm A và B thì $AM + MB = AB$.

b) Kỹ năng.

– Nhận biết 1 điểm nằm giữa hay không nằm giữa 2 điểm khác.

– Bước đầu suy luận dạng: "Nếu có $a + b = c$, và biết 2 trong 3 số a, b, c thì suy ra số thứ 3"

c) Thái độ.

– Cẩn thận khi đo các đoạn thẳng và khi cộng các độ dài.

2. Chuẩn bị

a) GV: SGK, thước đo độ dài, đề kiểm tra 15 phút.

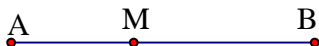
b) HS: Thước chia khoảng, giấy kiểm tra.

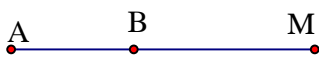
3. Tiến trình bài dạy

a. Kiểm tra bài cũ

b. Nội dung bài mới

Đặt vấn đề: Đặt vấn đề như SGK - 120.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Đưa ra đề BT: 1. Vẽ ba điểm thẳng hàng A; M; B sao cho M nằm giữa A và B. 2. Trên hình có những đoạn thẳng nào? Kể tên? 3. Đo các đoạn thẳng trên hình vẽ. 4. So sánh $AM + MB$ với AB, rút ra nhận xét. Làm phần 1? Trên hình có những đoạn thẳng nào ? Kể tên?	 AM; MB; AB	<u>1. Khi nào thì tổng độ dài hai đoạn thẳng AM và MB bằng độ dài đoạn thẳng AB? (22 phút)</u> ? 1  Cho M nằm giữa A và B. (hình 48) Đo $AM = 2\text{cm}$ $MB = 3\text{cm}$ $AB = 5\text{cm}$ So sánh $AM + MB = AB$

Đo các đoạn thẳng trên hình vẽ ? Trả lời phần 4? Vẽ ba điểm thẳng hàng A; M; B biết M không nằm giữa A và B? Đo độ dài các đoạn thẳng Nêu nhận xét? Lưu ý: Điều kiện 2 chiều. M nằm giữa A và B $\Leftrightarrow AM + MB = AB$ - Nêu VD. - Hướng dẫn cách tính MB. Cho 3 điểm thẳng hàng, chỉ cần đo mấy đoạn thẳng là biết được độ dài của cả ba đoạn thẳng? Biết $AN + NB = AB$ thì có kết luận gì về vị trí của N đối với AB? <u>Chuyển ý:</u> Để đo độ dài của một đoạn thẳng hoặc khoảng cách giữa hai đoạn thẳng người ta thường dùng những dụng cụ gì? Giới thiệu một vài dụng cụ đo khoảng cách giữa 2 điểm trên mặt đất. - Hướng dẫn cách đo (như SGK - 120)	Đo $AM=2\text{cm}$ $MB=3\text{cm}$ $AB=5\text{cm}$ $AM + MB = AB$  Thực hiện và báo cáo kết quả. Đọc nhận xét trong SGK. Ghi bài. Chỉ cần đo độ dài hai đoạn thẳng. N nằm giữa A và B. Đọc SGK và ghi bài.	* Nhận xét: Nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì $AM + MB = AB$ * VD: Cho M nằm giữa A và B, $AM = 3\text{cm}$; $AB = 8\text{cm}$. Tính MB? Giải Vì M nằm giữa A và B nên: $AM + MB = AB$ Thay $AM = 3\text{cm}$; $AB = 8\text{cm}$ ta có: $3 + MB = 8$ $MB = 8 - 3$ Vậy $MB = 5(\text{cm})$ <u>2.Một vài dụng cụ đo khoảng cách giữa 2 điểm trên mặt đất(5 phút)</u> - Thước cuộn bằng vải. - Thước cuộn bằng sắt. - Thước chữ A.
--	---	---

Độc đê?	
---------	--

d) Hướng dẫn về nhà (2 phút)

- Học thuộc nhận xét: SGK - 120.
- Làm các BT: 47,48,49,50,51(SGK - 121,122)
- HD bài 49/121: a) Tính AN; BM. Theo giả thiết $AN = BM \Rightarrow$ So sánh AM và BN

b) Tính AM; BN. Theo giả thiết $AN = BM \Rightarrow$ So sánh AM = BN

- Học thuộc nhận xét: SGK - 120.
- Làm các BT: 47,48,49,50,51(SGK - 121,122)
- HD bài 49/121: a) Tính AN; BM. Theo giả thiết $AN = BM \Rightarrow$ So sánh AM và BN
- b) Tính AM; BN. Theo giả thiết $AN = BM \Rightarrow$ So sánh AM = BN

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 10

LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

- Khắc sâu kiến thức: Nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì $AM + MB = AB$ qua một số bài tập sau.

b) Kỹ năng.

- Rèn kỹ năng nhận biết một điểm nằm giữa hay không nằm giữa hai điểm khác.

- Bước đầu tập suy luận và rèn kỹ năng tính toán.

c) Thái độ.

- Yêu thích môn học.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên: SGK, thước thẳng, bảng phụ.

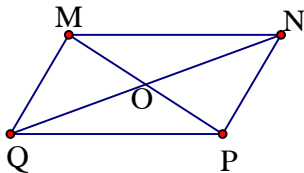
b) Học sinh: SGK, thước thẳng

3. Tiến trình bài dạy.

a) Kiểm tra 15 phút.

Câu hỏi

Câu 1 Cho hình bên, điền dấu ($<$; $>$; $=$) thích hợp vào ô vuông.



a) $MN \square QP$ b) $MN \square QM$

c) $OQ \square ON$ d) $QN \square MP$

e) $ON \square MP$

Câu 2 Cho M là điểm nằm giữa A và B. Biết $AM = 3,1\text{cm}$; $AB = 6\text{cm}$. Tính MB.

Đáp án

Câu 1 (5 điểm)

a) $MN \square QP$ b) $MN \square QM$

c) $OQ \square ON$ d) $QN \square MP$

e) $ON \square MP$

Câu 2 (5 điểm)

Vì M nằm giữa A và B nên ta có:

$$AM + MB = AB$$

$$\text{Hay } 3,1 + MB = 6$$

$$MB = 6 - 3,1$$

$$MB = 2,9 \text{ cm.}$$

b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề: tiết hôm nay chúng ta sẽ cùng làm một số bài tập để khắc sâu kiến thức: nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì $AM + MB = AB$.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Yêu cầu học sinh làm bài 49. Đầu bài cho biết gì? yêu cầu tìm gì? Cho HS làm bài theo dãy trong 3 phút. Dãy 1 làm phần a Dãy 2 làm phần b. Sau đó gọi đại diện hai dãy lên bảng làm.	Hoạt động cá nhân làm bài trong 2 phút. Sau đó hai HS(đại diện hai dãy) lên bảng làm.	<u>Bài 49(SGK – 121)(7 phút)</u> a.M nằm giữa A và B $\Rightarrow AM + MB = AB \text{ (theo nhận xét)}$ $\Rightarrow AM = AB - BM \text{ (1)}$ N nằm giữa A và B $\Rightarrow AN + NB = AB \text{ (theo nhận xét)}$ $\Rightarrow BN = AB - AN \text{ (2)}$ Mà $AN = BM \text{ (3)}$ Từ (1); (2); (3) ta có $AM = BN$ b) N nằm giữa A và B nên: $AN + NB = AB$ $\Rightarrow NB = AB - AN \text{ (1)}$ M nằm giữa A và B nên: $AM + MB = AB$ $\Rightarrow AM = AB - MB \text{ (2)}$ Mà $AN = BM \text{ (3)}$ Từ (1); (2); (3) $\Rightarrow AM = BN$
Làm bài 47?	Một HS lên bảng làm, dưới lớp làm quan sát và nhận xét.	<u>Bài 47 (SGK - 121)(5 phút)</u> Vì M nằm giữa E và F nên ta có: $EM + MF = EF$ Hay $4 + MF = 8$ $MF = 8 - 4 = 4\text{cm.}$ Vậy $EM = MF$.
Đọc đề?	Đọc đề.	<u>Bài 48 (SGK - 121)(5 phút)</u>

$\frac{1}{5}$ độ dài sợi dây dài bao nhiêu? Chiều rộng lớp học? Treo bảng phụ ghi nội dung đề bài 47/SBT. Đọc đề? Gọi HS đứng tại chỗ trả lời. Quan sát và cho biết đi từ A đến B thì đi theo đoạn thẳng là ngắn nhất là nhận xét đúng hay sai?	$\frac{1}{5}$ độ dài sợi dây là: $1,25 \cdot \frac{1}{5} = 0,25 \text{ (m)}$ Chiều rộng lớp học là: $4.1,25 + 0,25 = 5,25 \text{ (m)}$ Đọc đề. a.điểm C nằm giữa 2 điểm A; B b.điểm B nằm giữa 2 điểm A; C c.điểm A nằm giữa 2 điểm B;C quan sát hình 53 và trả lời.	$\frac{1}{5}$ độ dài sợi dây là: $1,25 \cdot \frac{1}{5} = 0,25 \text{ (m)}$ Chiều rộng lớp học là: $4.1,25 + 0,25 = 5,25 \text{ (m)}$ <u>Bài 47(SBT - 102)(5 phút)</u> a.điểm C nằm giữa 2 điểm A; B b.điểm B nằm giữa 2 điểm A; C c.điểm A nằm giữa 2 điểm B;C <u>Bài 52(SGK - 122)(5 phút)</u> Đi từ A đến B thì đi theo đoạn thẳng là ngắn nhất là nhận xét đúng.
--	--	--

c) Củng cố (1 phút)

GV: Nhắc lại các kiến thức cơ bản sử dụng trong tiết.

d) Hướng dẫn học ở nhà (2 phút)

- Học kỹ lý thuyết
- Làm các bài tập 44;45;49;50;51(SBT)
- Hướng dẫn bài 44:
Ta lấy 3 điểm tùy ý trên một đường thẳng nào đó.có thể đo AB;AC rồi suy ra BC , hoặc BC,AC rồi suy ra AB , hoặc AB,BC rồi suy ra AV



Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 11 VẼ ĐOẠN THẲNG CHO BIẾT ĐỘ DÀI

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

- Học sinh nắm vững trên tia Ox có 1 và chỉ 1 điểm M sao cho $OM = m$ (đơn vị đo độ dài) ($m > 0$). Trên tia Ox , nếu $OM = a$; $ON = b$ (a, b là đơn vị đo độ dài) và $a < b$ thì M nằm giữa O và N .

b) Kỹ năng.

- Biết vận dụng các kiến thức trên để giải bài tập.

c) Thái độ.

- Giáo dục tính cẩn thận, đo, đặt điểm chính xác.

2. Chuẩn bị

a) GV: Thước thẳng, phấn màu, compa.

b) HS: Thước thẳng, compa.

3. Tiến trình bài dạy

a) Kiểm tra bài cũ (5 phút)

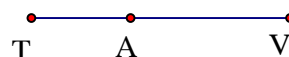
Câu hỏi

Nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì ta có đẳng thức nào? Trên một đường thẳng hãy vẽ ba điểm V ; A ; T sao cho $AT = 10\text{cm}$; $VA = 20\text{cm}$; $VT = 30\text{cm}$. Hỏi điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?

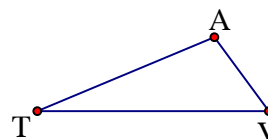
Đáp án

Nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì $AM + MB = AB$ (5 điểm).

Nếu 3 điểm T ; A ; V thẳng hàng thì điểm A nằm giữa hai điểm T và V (2 điểm)



Nếu 3 điểm T ; A ; V không thẳng hàng thì không có điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại (3 điểm)



b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề: Chúng ta đã biết nếu cho trước một đoạn thẳng AB chẳng hạn thì tìm được số đo (độ dài) đoạn thẳng đó lớn hơn số 0. Bây giờ ta xét vấn đề ngược lại:

Nếu cho trước 1 số lớn hơn 0, vẽ một đoạn thẳng có số đo bằng độ dài cho trước đó ta làm thế nào? Bài hôm nay:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Giới thiệu dụng cụ để vẽ: Thước thẳng chia khoảng, compa. Độc cách vẽ (SGK-112) (2ph) Nêu cách vẽ $OM = 2cm$? Nhấn mạnh: Muốn vẽ 1 đoạn thẳng thì phải biết 2 mút của đoạn thẳng. Mút O đã biết, ta chỉ vẽ tiếp mút M. Hướng dẫn cách vẽ bằng compa (GV vừa hướng dẫn vừa thực hành) Vẽ trên cùng tia Ox với 2 cách khác nhau em có nhận xét gì về điểm M vừa vẽ? Chốt lại: Cho trước một đoạn thẳng OM có độ dài a (bất kì) bao giờ ta cũng vẽ được điểm M sao cho $OM = a$, bằng cách:...(GV nêu cách vẽ như VD₁) Nêu VD₂: Vẽ một đoạn thẳng bằng một đoạn thẳng cho trước ta làm thế nào? Nêu cách vẽ CD dựa vào VD₁?	Trình bày. Làm theo sự hướng dẫn của GV. Vẽ được một điểm M trên tia Ox để $OM = 2cm$. Ghi nhận xét và nhắc lại nhận xét. Độc VD₂ (SGK-122). - Vẽ tia Cx bất kì. - Đo độ dài AB (chẳng hạn m (cm)).	<u>1. Vẽ đoạn thẳng trên tia(23 phút)</u> * VD₁: Trên tia Ox, hãy vẽ đoạn thẳng OM có độ dài bằng 2cm. - Dụng cụ: Thước thẳng chia khoảng. - Cách vẽ: + Đặt cạnh thước nằm trên tia Ox sao cho vạch số 0 của thước trùng với gốc O của tia. + Vạch số 2 (cm) của thước sẽ cho ta điểm M. Đoạn thẳng OM là đoạn thẳng phải vẽ. * Nhận xét: (SGK-122) * Ví dụ 2: Cho đoạn thẳng AB. Hãy vẽ đoạn thẳng CD sao cho $CD = AB$? Giải - Cách vẽ: SGK-123

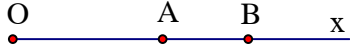
Ngoài cách trên, ta còn dùng compa để vẽ. - GV trình bày như SGK-123 Thực hành vẽ đoạn thẳng $CD = AB$? (quan sát và sửa sai trong cách vẽ cho HS) Đặt vấn đề: Ta đã biết cách vẽ 1 đoạn thẳng trên một tia. Vậy để vẽ 2 đoạn thẳng trên tia ta làm thế nào?	- Đặt cạnh của thước trùng với tia Cx; vạch 0 trùng với C. - Điểm C trùng với vạch m (cm). Một HS lên bảng vẽ, dưới lớp làm vào vở.	
Đọc VD (SGK- 123) Vẽ đoạn thẳng OM; ON biết $OM = 2$ cm; $ON = 3$ cm ? Quan sát hình vẽ hãy cho biết trong 3 điểm O, M, N điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại? So sánh độ dài OM và ON? Trên tia Ox, $OM = a$; $ON = b$ ($a, b > 0$ cùng đơn vị đo) và $a < b$ thì ta có kết luận gì về vị trí các điểm $O; M; N$? M nằm giữa O và N. Nêu nhận xét?	Lên bảng thực hiện vẽ 2 đoạn thẳng OM, ON. HS dưới lớp nhận xét hình vẽ trên bảng của bạn. Điểm M nằm giữa điểm O và N. $OM < ON$ Đọc nhận xét (SGK-123)	<u>2.Vẽ 2 đoạn thẳng trên tia(7 phút)</u> * Ví dụ: Trên tia Ox, hãy vẽ 2 đoạn thẳng OM và ON biết $OM = 2$ cm; $ON = 3$ cm. Trong 3 điểm O, N, M điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại? Giải  Điểm M nằm giữa điểm O và N. * Nhận xét: (SGK-123)

GIÁO ÁN HÌNH HỌC 6

Cho HS quan sát hình vẽ của phần đặt vấn đề trong SGK. Khi nào thì A nằm giữa O và B? Đây là một dấu hiệu nhận biết điểm nằm giữa 2 điểm khác. Nhắc lại 2 dấu hiệu nhận biết 1 điểm nằm giữa 2 điểm khác?	- Trả lời: Khi $a < b$. 1. Nếu $AM + MB = AB$ $\Rightarrow M$ nằm giữa A và B. 2. Trên tia Ax nếu $AM < AB$ $\Rightarrow M$ nằm giữa A và B.	
--	--	--

c) Củng cố, luyện tập (8 phút)

Đọc đề? Vẽ hình? So sánh BC và BA?	Đọc bài toán. Một HS lên bảng vẽ hình. Vì $OA < OB$ nên A nằm giữa O và B. Ta có: $OA + AB = OB$ Hay $2 + AB = 5$ $AB = 5 - 2 = 3\text{cm}$. Vì $OB < OC$ nên B nằm giữa O và C. Ta có $OB + BC = OC$. Hay $5 + BC = 8$ $BC = 8 - 5 = 3\text{cm}$. Vậy $AB = BC$	<u>Bài 54 (SGK - 124)</u>  Vì $OA < OB$ nên A nằm giữa O và B. Ta có: $OA + AB = OB$ Hay $2 + AB = 5$ $AB = 5 - 2 = 3\text{cm}$. Vì $OB < OC$ nên B nằm giữa O và C. Ta có $OB + BC = OC$. Hay $5 + BC = 8$ $BC = 8 - 5 = 3\text{cm}$. Vậy $AB = BC$ <u>Bài 55 (SGK - 124).</u> Giải + Trường hợp 1: B nằm giữa O và A.  Ta có $OB + BA = OA$ Thay $BA = 2\text{ cm}$; $OA = 8\text{ cm}$ vào ta được: $OB + 2 (\text{cm}) = 8 (\text{cm})$ $OB = 8 - 2 = 6 (\text{cm})$
Đọc đề? Tính OB?	Ta có $OB + BA = OA$ Thay $BA = 2\text{ cm}$; $OA = 8\text{ cm}$ vào ta được: $OB + 2 (\text{cm}) = 8 (\text{cm})$ $OB = 8 - 2 = 6 (\text{cm})$	Ta có $OB + BA = OA$ Thay $BA = 2\text{ cm}$; $OA = 8\text{ cm}$ vào ta được: $OB + 2 = 8$

Nếu A nằm giữa O và B thì $OB = ?$	Một HS lên bảng làm.	$OB = 8 - 2 = 6 \text{ (cm)}$ * Trường hợp 2: A nằm giữa O và B.
Bài toán có mấy đáp số?	Bài toán có 2 đáp số: $OB = 6 \text{ cm}$ $OB = 10 \text{ cm}$	
Nhắc lại cách vẽ đoạn thẳng trên tia? Dấu hiệu nhận biết điểm nằm giữa 2 điểm khác đã biết?	Nhắc lại cách vẽ đoạn thẳng trên tia và dấu hiệu nhận biết điểm nằm giữa hai điểm khác.	Ta có $OA + AB = OB$ thay $OA = 8\text{cm}$; $AB = 2\text{cm}$ vào ta được : $8 + 2 = OB$ $\Rightarrow OB = 10 \text{ cm}$

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà(2 phút)

- Ôn tập và thực hành vẽ đoạn thẳng biết độ dài (cả dùng thước và compa)
- BTVN: 54; 56; 57; 59 (124-SGK)
- Hướng dẫn bài 57/124.

$$\left. \begin{array}{l} CB < CA \Rightarrow AB \\ BC < BD \Rightarrow CD \end{array} \right\} \Rightarrow \text{So sánh AB và CD}$$



Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 12. **TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG**

1. Mục tiêu

a) Kiến thức

- Hiểu được trung điểm của đoạn thẳng là gì?

b) Kỹ năng

- Biết vẽ trung điểm của 1 đoạn thẳng. Nhận biết được một điểm là trung điểm của một đoạn thẳng.

c) Thái độ

- Cẩn thận, chính xác khi đo, vẽ, gấp giấy.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên: Thước thẳng có chia khoảng, bảng phụ, bút dạ, phấn màu, compa, sợi dây, thanh gỗ.

b) Học sinh: Chuẩn bị như GV các dụng cụ học tập + 1 mảnh giấy can.

3. Tiến trình bài dạy

a) Kiểm tra bài cũ (5 phút)

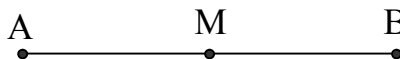
Câu hỏi

HS: Cho hình vẽ (GV vẽ $AM = 2\text{ cm}$; $BM = 2\text{ cm}$ lên bảng)

Hãy đo độ dài:

$AM = ?\text{ cm}$.

$MB = ?\text{ cm}$



a) So sánh AM và MB ?

b) Tính AM ?

c) Nhận xét gì về vị trí của M đối với A và B ?

Đáp án

HS: a) $AM = 2\text{ cm}$; $MB = 2\text{ cm}$

$AM = MB$ (3 điểm)

b) M nằm giữa A và B nên: $MA + MB = AB$

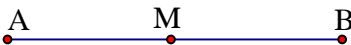
$\Rightarrow AB = 2 + 2 = 4\text{ (cm)}$ (3 điểm)

c) M nằm giữa A và B .

M cách đều A và B (vì $MA = MB$). (4 điểm)

b) Nội dung bài mới

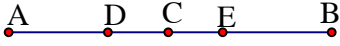
Đặt vấn đề: M nằm giữa A và B , M cách đều A và B nên M là trung điểm của đoạn thẳng AB . Vậy thế nào là trung điểm của đoạn thẳng?

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Cho HS quan sát hình 61. Trung điểm M của đoạn thẳng AB là gì? Nhấn mạnh lại định nghĩa. M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì M phải thỏa mãn điều kiện gì? Có điều kiện M nằm giữa A và B thì tương ứng ta có đẳng thức nào? M cách đều A và B thì ta có điều gì? Chốt lại vấn đề (công thức bên) Đưa ra BT; Vẽ đoạn thẳng $AB = 35\text{cm}$, vẽ trung điểm M của đoạn thẳng AB. Nếu M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì $AM = MB = \frac{AB}{2}$ Cho HS hoạt động nhóm là bài 60 trong 5 phút sau đó cho đại diện các nhóm báo cáo kết quả. Lấy điểm A' bất kỳ thuộc đoạn thẳng OB thì A' có là	Nêu ĐN. - Nằm giữa A và B - Cách đều A, B $MA + MB = AB$. $MA = MB$ Ghi vào vở.  <u>Bài 60/125</u> a) Điểm A nằm giữa O và B (Vì $OA < OB$) b) Theo câu a, A nằm giữa O và B nên: $OA + AB = OB$ $\Rightarrow AB = 4 - 2 = 2 \text{ (cm)}$ $\Rightarrow OA = AB$ (Vì cùng bằng 2cm) c) Theo câu a và b ta có: A là trung điểm của OB.	<u>1. Trung điểm của đoạn thẳng (17 phút)</u> * Định nghĩa: (SGK - 124) M là trung điểm AB $\Leftrightarrow \begin{cases} MA + MB = AB \\ MA = MB \end{cases}$ (M còn gọi là điểm chính giữa của đoạn thẳng AB)

trung điểm của AB hay không? Một đoạn thẳng có mấy trung điểm? Có mấy điểm nằm giữa 2 đầu mút của nó? Giới thiệu chú ý cho HS nhắc lại Nêu ví dụ (SGK-125) Hướng dẫn HS phân tích bài toán: Ta có $MA + MB = AB$ $MA = MB$ $\Rightarrow MA = MB = \frac{AB}{2}$ $= \frac{5}{2} = 2,5 \text{ cm}$ Với cách phân tích trên thì điểm M thỏa mãn điều kiện gì? Có những cách nào để vẽ trung điểm của đoạn thẳng AB? Nêu rõ cách vẽ theo từng bước? Đưa ra bảng phụ ghi rõ các cách vẽ. HD HS làm cách 2. Vẽ đoạn thẳng AB trên giấy. Gấp giấy sao cho điểm B trùng với điểm A. Nếp gấp cắt đoạn thẳng AB tại một điểm, đó chính là điểm M cần xác định.	 A' không là trung điểm của AB. Có một trung điểm Có vô số điểm nằm giữa 2 đầu mút của nó. Đọc đề ví dụ $M \in AB$ và $MA = 2,5 \text{ cm}$ 3 cách Thực hành gấp giấy xác định trung điểm M của AB.	Chú ý: Một đoạn thẳng chỉ có một trung điểm (điểm chính giữa) nhưng có vô số điểm nằm giữa hai mút của nó. <u>2. Vẽ trung điểm của đoạn thẳng (12 phút)</u> * VD $AB = 5 \text{ cm}$. Hãy vẽ trung điểm M của đoạn thẳng AB? - Cách 1: Dùng thước thẳng có chia khoảng. B₁: Đo đoạn thẳng. B₂: Tính $MA = MB = \frac{AB}{2}$ B₃: Vẽ M trên đoạn thẳng AB với độ dài MA (hoặc MB) - Cách 2: Gấp giấy. - Cách 3: Gấp dây (SGK-125)
---	--	---

Cho HS thảo luận theo nhóm trả lời ? trong 2 phút, sau đó cho đại diện các nhóm trình bày và nhận xét chéo. Cho HS thực hành xác định trung điểm đối với thanh gỗ của từng nhóm trong 3 phút	Dùng sợi dây. +Đo theo mép thẳng của đoạn gỗ. +Chia đôi đoạn dây có độ dài bằng độ dài thanh gỗ. +Dùng đoạn dây đã chia đôi để xác định trung điểm của thanh gỗ Thực hành xác định trung điểm của thanh gỗ.	
--	--	--

c) Củng cố, luyện tập (9 phút)

Đưa ra đề BT: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để được các biểu thức cần ghi nhớ. a) Điểm ... là trung điểm của đoạn thẳng AB $\Leftrightarrow$ M nằm giữa A và B $MA = \dots$ b) Nếu M là trung điểm của AB thì ... = ... = $\frac{1}{2}AB$. Cho HS làm bài trong 2 phút, sau đó gọi một HS lên bảng làm. Đọc đề bài 63? Trả lời bài 63? Đọc đề? Vẽ hình? Vì sao C là trung điểm của DE?	Một HS lên bảng, dưới lớp quan sát và nhận xét. d) $IA = IB = \frac{AB}{2}$ Đọc đề. Một HS lên bảng vẽ hình, dưới lớp vẽ vào vở. Vì C là trung điểm của AB nên $AC = CB = 3\text{cm}$.	<u>Bài tập</u> Điền từ thích hợp vào chỗ trống ... để được các biểu thức cần ghi nhớ. a) Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB $\Leftrightarrow$ M nằm giữa A và B $MA = \mathbf{MB}$ b) Nếu M là trung điểm của AB thì $\mathbf{MA} = \mathbf{MB} = \frac{1}{2}AB$. <u>Bài 63 (SGK - 126)</u> d) $IA = IB = \frac{AB}{2}$ <u>Bài 64 (SGK - 126)</u>  Vì C là trung điểm của AB nên $AC = CB = 3\text{cm}$. Trên tia AB vì $AD < AC$
---	---	---

	Trên tia AB vì $AD < AC$ nên điểm D nằm giữa hai điểm A và C. $\Rightarrow DC = 1\text{cm}$. Cũng thế trên tia BA, vì $BE < BC$ nên điểm E nằm giữa hai điểm B và C $\Rightarrow CE = 1\text{cm}$. Điểm C nằm giữa hai điểm D; E và $CD = CE$. Vậy C là trung điểm của DE	nên điểm D nằm giữa hai điểm A và C. $\Rightarrow DC = 1\text{cm}$. Cũng thế trên tia BA, vì $BE < BC$ nên điểm E nằm giữa hai điểm B và C $\Rightarrow CE = 1\text{cm}$. Điểm C nằm giữa hai điểm D; E và $CD = CE$. Vậy C là trung điểm của DE
--	--	--

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (2 phút)

- Cần thuộc, hiểu các kiến thức quan trọng trong bài trước khi làm bài tập.
- Làm các BT: 61,62,65(SGK - 118); 60 -62 (SBT 104)
- Ôn tập, trả lời các câu hỏi bài tập trong SGK - 124 để tiết sau ôn tập chương I.
- HD bài 61/SBT104: B là trung điểm của AC vì: B nằm giữa A; C và

$$AB = \frac{AC}{2} = 5,6\text{cm}$$



Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 13 **ÔN TẬP CHƯƠNG I**

1. Mục tiêu

a) Kiến thức

- Hệ thống hoá kiến thức về điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm (khái niệm, tính chất, cách nhận biết).

b) Kỹ năng

- Rèn kỹ năng sử dụng thành thạo thước thẳng, thước có chia khoảng, compa để đo, vẽ đoạn thẳng.
- Bước đầu tập suy luận đơn giản.

c) Thái độ.

- Yêu thích môn học.

2. Chuẩn bị

a) GV: Thước thẳng, compa, bảng phụ, bút dạ, phấn màu.

b) HS: Thước thẳng, compa.

3. Tiến trình bài dạy

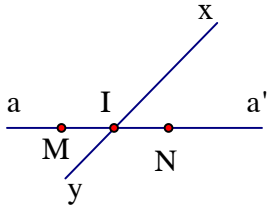
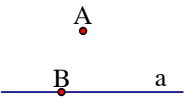
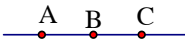
a) Kiểm tra bài cũ

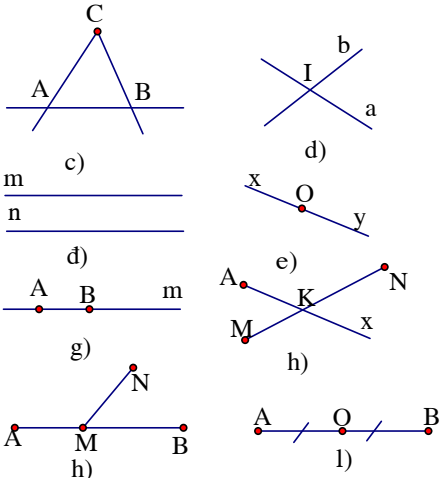
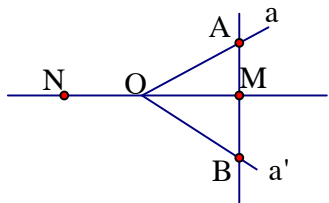
(Kết hợp với ôn tập)

b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề : Ở chương I các em đã được làm quen với các kiến thức cơ bản của hình học phẳng như điểm, đường thẳng, tia Hôm nay, chúng ta sẽ cùng ôn tập, nhắc lại các kiến thức này

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
<u>Hoạt động 1: Kiểm tra việc lĩnh hội một số kiến thức trong chương của học sinh (10 phút)</u>		
Có mấy cách đặt tên cho một đường thẳng, chỉ rõ từng cách, vẽ hình minh họa?	Có ba cách : Cách 1: Dùng một chữ cái in thường. a _____	

Khi nào nói ba điểm A; B; C thẳng hàng? Vẽ ba điểm A; B; C thẳng hàng? Yêu cầu HS hoạt động nhóm trong 3 phút làm bài tập sau: Cho hai điểm M và N. vẽ đường thẳng aa' đi qua hai điểm đó. Vẽ đường thẳng xy cắt đường thẳng a tại trung điểm I của đoạn thẳng MN. Trên hình có những đoạn thẳng nào? Kể tên một số tia trên hình, một số tia đối nhau?	Cách 2: Dùng hai chữ cái in thường. $\underline{x \qquad \qquad \qquad y}$ Cách 3: Dùng hai chữ cái in hoa. $\underline{A \qquad \qquad \qquad B}$ Ba điểm A; B; C thẳng hàng khi ba điểm cùng nằm trên một đường thẳng. $\underline{A \qquad \qquad B \qquad \qquad C}$ Hoạt động nhóm và báo cáo kết quả.	<u>Bài 1</u>  Đoạn thẳng: MN; MI; IN Tia : Ma; Na'; Ia'; Ia... Cặp tia đối nhau: Ia và Ia' Ix và Iy
<u>Hoạt động 2: Đọc hình để củng cố kiến thức (8 phút)</u>		
Đưa ra đề BT: Mỗi hình sau cho biết những gì?  a)  b)		<u>Bài 2</u> a) Điểm và đường thẳng. b) Ba điểm thẳng hàng. c) Ba điểm không thẳng hàng. d) Hai đường thẳng cắt nhau. đ) Hai đường thẳng song song. e) Hai tia đối nhau. g) Hai tia trùng nhau.

 Cho HS hoạt động cá nhân làm bài trong 3 phút. Gọi HS đứng tại chỗ trả lời?	HS đứng tại chỗ trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.	h) Đoạn thẳng cắt tia. k) Đoạn thẳng cắt đoạn thẳng. l) Trung điểm của đoạn thẳng.
Hoạt động 3: Củng cố kiến thức qua việc dùng ngôn ngữ (10 phút)		
Treo bảng phụ ghi sẵn đề củng cố cho HS kiến thức qua sử dụng ngôn ngữ. Yêu cầu HS đọc các mệnh đề toán, để tiếp tục điền vào chỗ trống.	Dùng bút khác màu điền vào chỗ trống. Cả lớp kiểm tra, sửa sai nếu cần.	a) Trong 3 điểm thẳng hàng có 1 và chỉ 1 điểm nằm giữa 2 điểm còn lại. b) Có 1 và chỉ 1 đường thẳng đi qua 2 điểm phân biệt. c) Mỗi điểm trên 1 đường thẳng là gốc chung của 2 tia đối nhau. d) Nếu M nằm giữa A và B thì $AM + MB = AB$. e) Nếu $MA = MB = \frac{AB}{2}$ thì M là trung điểm của AB.
Hoạt động 5: Luyện kĩ năng vẽ hình (15 phút)		
Cho hai tia chung gốc Ox và Oy (không đối nhau). Vẽ đường thẳng aa' cắt hai tia đó tại A; B khác O. Vẽ điểm M nằm giữa hai điểm A và B. Vẽ tia OM. Vẽ tia ON là tia đối của tia OM. Lên bảng vẽ hình?	Một HS lên bảng vẽ hình.	

GIÁO ÁN HÌNH HỌC 6

Trên hình có bao nhiêu đoạn thẳng? Kể tên?	HS dưới lớp vẽ vào vở. Có 6 đoạn thẳng: NO; OA; OB; AM; MB; OM	a) Đoạn thẳng: NO; OA; OB; AM; MB; OM b) N; O; M hoặc A; M; B
Có cặp 3 điểm nào thẳng hàng? Vì sao?	N; O; M hoặc A; M; B vì các cặp 3 điểm này cùng nằm trên một đường thẳng.	
Trên hình có tia nào nằm giữa hai tia còn lại không? Chốt lại: Vẽ hình một cách chính xác, khoa học rất cần thiết đối với người học hình.	Tia OM nằm giữa hai tia OA và OB.	

c) Củng cố (1 phút)

GV: Nhắc lại các kiến thức cơ bản đã ôn trong tiết.

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (2 phút)

- Về học toàn bộ lí thuyết trong chương.
- Tập vẽ hình, Kí hiệu hình cho đúng.
- Xem lại các bài tập về khi nào $AM + MB = AB$ và trung điểm của một đoạn thẳng.
- BTVN: 7; 8 (127-SGK) + BT 51; 56; 58; 63; 64; 65 (T 105 - SBT).

Ngày soạn:

Ngày kiểm tra:

Tiết 14. **KIỂM TRA 45 PHÚT**

1. Mục tiêu bài kiểm tra

a) Kiến thức.

– Kiểm tra việc lĩnh hội các kiến thức đã học trong chương I của HS.

b) Kỹ năng

– Kiểm tra kỹ năng vẽ hình; kỹ năng sử dụng thước thẳng chia khoảng; compa.

– Kỹ năng lập luận để giải các bài toán đơn giản.

c) Thái độ

– Rèn tính cẩn thận, chính xác, kỉ luật, tự giác cho học sinh.

A/ Đề bài:

Câu 1: Thế nào là hai tia đối nhau? Vẽ hình minh họa.

Câu 2: Điền vào chỗ trống (..) để được một mệnh đề đúng:

a, Nếu $MA = MB = AB/2$ thì

b. Nếu điểm A nằm giữa hai điểm thì $PA + AQ = PQ$.

c, Có một và chỉ một đường thẳng đi qua

d, Trong 3 điểm thẳng hàng điểm nằm giữa hai điểm còn lại

Câu3: Vẽ tia $\tilde{O}$, lấy 3 điểm A;B;C trên tia $\tilde{O}$ sao cho $OA = 4\text{cm}$; $OB = 6\text{ cm}$; $OC = 8\text{cm}$.

a, Tính độ dài $AB < BC$? So sánh AB và BC.

b, Điểm B có nằm giữa hai điểm A và C không? Vì sao?

c, Điểm B có là trung điểm của đoạn AC không? Vì sao?

Câu4: Vẽ hai đường thẳng a; b trong các trường hợp:

a, cắt nhau

b, song song.

Đáp án - Biểu điểm

Câu 1 ((1,5đ) Phát biểu đúng (1đ)

Vẽ hình minh họa (0,5đ)

Câu 2: (2đ) M là trung điểm của đoạn thẳng AB (0.5đ)

b, P và Q (0.5đ)

c, 2 điểm (0.5đ)

d, Có một và chỉ một điểm (0.5đ)

Câu 3: (5đ)

Vẽ hình (0,5)

Tính đoạn $AB = 2\text{cm}$ (1đ)

Tính đoạn $BC = 2\text{cm}$ (1đ)

So sánh $AB = BC$

(0,5đ)

b, Vì A,B,C thuộc Ox ; $OA < OB < OC$ nên điểm B nằm giữa hai điểm A và C. (1đ)

c, Ta lại có điểm B nằm giữa hai điểm A và C; (1đ)

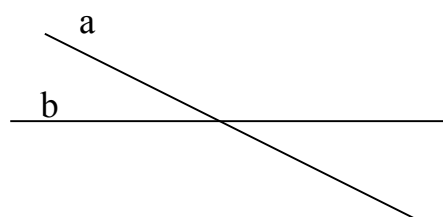
Lại có $AB = AC$.

○ Điểm B là trung điểm của AC

Câu 4 (1,5đ)

Vẽ mỗi hình đúng cho 0,75 đ

a _____
b _____



Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 15: Trả bài kiểm tra.

I/ Nội dung:

Giáo viên giúp học sinh:

- Cách trình bày một bài toán hình học về đoạn thẳng, so sánh độ dài hai đoạn thẳng, 1 điểm nằm giữa hai điểm còn lại, một điểm là trung điểm của một đoạn thẳng.
- Rèn kĩ năng trình bày và vẽ hình.

II/ Chuẩn bị

GV chuẩn bài để chỉ ra các sai sót của học sinh

Hs làm lại bài tập kiểm tra.

III/ Tiến trình dạy học:

A/ Nhận xét, đánh giá chung (12p)

GV nhận xét ưu, nhược điểm bài làm của học sinh

Ưu: Các em học sinh đã biết áp dụng các kiến thức đã học để làm bài tập.

Nhược điểm: Nhiều em chưa biết áp dụng các kiến thức về điểm nằm giữa hai điểm còn lại để tính đoạn thẳng.

Cách chứng minh một điểm là trung điểm của đoạn thẳng.

HS nghe GV nhận xét về ưu, khuyết điểm của từng bài trong các trường hợp

B/ Trả bài và chữa bài (30p)

GV yêu cầu HS tự phát hiện và sửa lỗi sai đó.

Gọi 1 hs lên bảng làm bài tập 5/Ktra học kì II

HS vẽ đúng hình và trình bày ý a, b

HS trình bày bài toán tính đoạn thẳng

giải thích 1 điểm nằm giữa hai điểm còn lại

1 hs chữa bài tập 5 như phần biểu điểm, đáp án

C/ Hướng dẫn về nhà (3p)

Ôn lại các kiến thức đã học trong chương I.

Xem bài 1: Nửa mặt phẳng (chương II)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHƯƠNG II GÓC

Tiết 16 NỬA MẶT PHẶNG.

1. Mục tiêu

a) Kiến thức

- Học sinh hiểu về mặt phẳng, khái niệm nửa mặt phẳng bờ a, cách gọi tên của nửa mặt phẳng bờ đã cho.
- Học sinh hiểu thế nào là tia nằm giữa hai tia khác

b) Kỹ năng

- Biết cách gọi tên nửa mặt phẳng, nhận biết tia nằm giữa 2 tia qua hình vẽ.

c) Thái độ.

- Giáo dục lòng say mê môn học.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên: SGK , thước thẳng , bảng phụ, thước thẳng, phấn màu.

b) Học sinh: Đọc trước bài, thước thẳng.

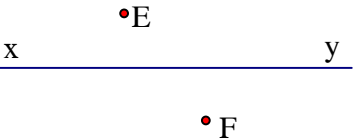
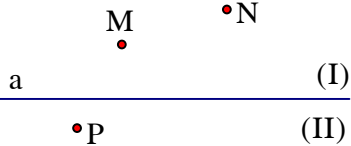
3. Tiến trình bài dạy.

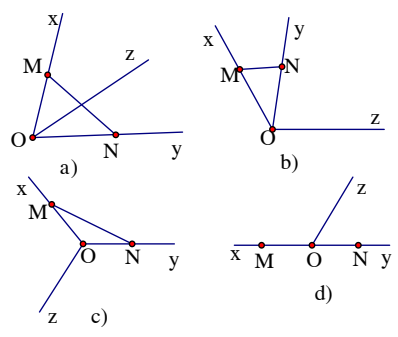
a) Kiểm tra bài cũ

b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề (5 phút) :Giới thiệu về mặt phẳng: Biểu tượng mặt phẳng là trang giấy, mặt bảng. Chúng ta đã vẽ nhiều đường thẳng, nhiều điểm trên trang giấy. Những biểu tượng đó hàm ý nói: Trong hình học phẳng, mặt phẳng là hình cho trước, là tập hợp điểm trên đó ta nghiên cứu hình nào đó (đường thẳng, đoạn thẳng, tia, góc, ...) Mỗi hình này là 1 tập hợp con của mặt phẳng.Mặt phẳng là hình cơ bản, không định nghĩa. Mặt phẳng không giới hạn về mọi phía.

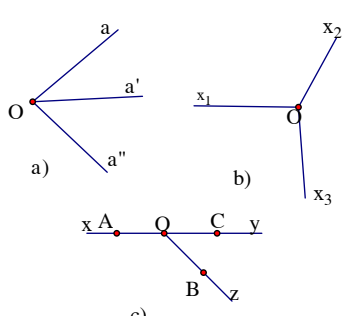
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Mặt trang giấy, mặt bảng, mặt tường phẳng, mặt nước lặng sóng là hình ảnh của mặt phẳng. Mặt phẳng có giới hạn không? Đường thẳng a chia mặt phẳng thành mấy phần? Mỗi phần đó cùng với đường thẳng a là một nửa mặt phẳng bờ a.	Mặt phẳng không giới hạn về mọi phía. Hai phần riêng biệt.	<u>1.Nửa mặt phẳng bờ a (12 phút)</u>

Thế nào là 1 nửa mặt phẳng bờ a? Chỉ rõ từng nửa mặt phẳng bờ a trên hình.. Vẽ đường thẳng xy, chỉ rõ từng nửa mặt phẳng bờ xy trên hình? Giới thiệu chú ý. Để phân biệt hai nửa mặt phẳng chung bờ a người ta thường đặt tên cho nó. Giới thiệu cách gọi tên nửa mặt phẳng. Nửa mặt phẳng (I) là nửa mặt phẳng bờ a chứa điểm M hoặc nửa mặt phẳng bờ a không chứa điểm P. Tương tự em hãy gọi tên nửa mặt phẳng bờ a còn lại trên hình vẽ? Đọc tên nửa mặt phẳng trên hình vẽ sau: 	Đọc định nghĩa (SGK-72)  Giới thiệu 2 nửa mặt phẳng đối nhau: (như SGK). Vẽ đường thẳng b lên bảng Nửa mặt phẳng (II) là nửa mặt phẳng bờ a chứa điểm P hoặc nửa mặt phẳng bờ a không chứa điểm N. - Nửa mặt phẳng bờ xy chứa điểm E hoặc nửa mặt phẳng bờ xy không chứa điểm F. - Nửa mặt phẳng bờ xy chứa điểm F hoặc nửa mặt phẳng bờ xy không chứa điểm E.	* Định nghĩa: (SGK-72)  Chú ý: Hai nửa mặt phẳng có chung bờ được gọi là 2 nửa mặt phẳng đối nhau. Bất kì đường thẳng nào nằm trên mặt phẳng cũng là bờ chung của hai nửa mặt phẳng đối nhau. 
--	---	---

Yêu cầu HS : - Vẽ ba tia Ox; Oy; Oz chung gốc. - Lấy hai điểm M; N sao cho $M \in \text{tia } Ox$, $OM \neq 0$; $N \in \text{tia } Oy$, $ON \neq 0$. - Vẽ đoạn thẳng MN. Cho HS hoạt động cá nhân vẽ hình trong 4 phút, sau đó gọi HS lên bảng vẽ hình. Quan sát hình a và cho biết tia Oz có cắt đoạn thẳng MN không? Tia Oz cắt MN tại một điểm nằm giữa M và N, ta nói tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy. Quan sát hình b; c; d và cho biết tia Oz có cắt đoạn thẳng MN không? Hình b và c tia Oz không cắt đoạn thẳng MN nên tia Oz không nằm giữa hai tia Ox và Oy. Hình d tia Oz cắt đoạn thẳng MN tại O nên tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy. Chốt lại: - Cách nhận biết tia nằm giữa 2 tia - Cách nhận biết tia không nằm giữa 2 tia.	Bốn HS lên bảng vẽ hình, dưới lớp quan sát và nhận xét. Có. Tia Oz cắt MN tại O. Hình b và c tia Oz không cắt MN. Hình d tia Oz cắt MN tại O	2.Tia nằm giữa 2 tia (10 phút)  * BT 3 (73): Điền từ. a) Bất kì đường thẳng nào nằm trên mặt phẳng cũng là bờ chung của 2 nửa mặt phẳng đối nhau. b) Cho 3 điểm O, A, B không thẳng hàng. Tia Ox ... giữa 2 tia OA, OB khi tia Ox cắt đoạn thẳng AB tại 1 điểm nằm giữa A và B.
--	--	---

c) Củng cố, luyện tập (15 phút)

Hãy nêu một số hình ảnh của mặt phẳng trong thực tế? Đưa ra bảng phụ ghi đề bài 3, cho HS suy nghĩ làm bài trong 3 phút.	HS lấy ví dụ về mặt phẳng. Hoạt động cá nhân làm bài 3.	<u>Bài 3 (SGK - 73)</u> a) Nửa mặt phẳng đối nhau.
--	---	--

Làm bài 3? Đưa ra BT: Hãy chỉ ra tia nằm giữa hai tia còn lại? giải thích? 	Một HS lên bảng làm, dưới lớp làm vào vở. Hình a tia Oa' nằm giữa hai tia Oa và Oa''. Hình b không có tia nào nằm giữa hai tia còn lại. Hình c tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy. Vì tia Oz cắt đoạn thẳng AC tại O.	b) đoạn thẳng AB tại một điểm nằm giữa A và B.
--	--	--

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (2 phút)

- Học bài theo SGK.
- Nhận biết được nửa mặt phẳng và tia nằm giữa hai tia khác.
- Làm BT 4; 5(SGK 73) ; 1;4;5 (SBT - 52).
- Đọc trước bài mới.



Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 17

GÓC

1. Mục tiêu

a) Kiến thức

– HS hiểu góc là gì? Góc bẹt là gì? Hiểu về điểm nằm trong góc.

b) Kỹ năng

– Biết vẽ góc, đọc tên góc, kí hiệu góc.
– Nhận biết điểm nào nằm trong góc.

c) Thái độ.

– Rèn tính cẩn thận trong vẽ hình.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên: SGK, thước thẳng, bảng phụ (đề BT6)

b) Học sinh: Thước thẳng.

3. Tiến trình bài dạy

a) Kiểm tra bài cũ (5 phút)

Câu hỏi

HS: 1. Thế nào là nửa mặt phẳng bờ a? Hai nửa mặt phẳng đối nhau?

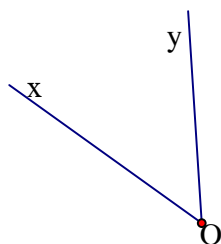
2. Vẽ tia Ox; Oy. Hai tia Ox và Oy có đặc điểm gì?

Đáp án

HS: Hình gồm đường thẳng a và một phần mặt phẳng bị chia ra bởi a được gọi là một nửa mặt phẳng bờ a. (2,5 điểm)

Hai nửa mặt phẳng có chung bờ được gọi là hai nửa mặt phẳng đối nhau. (2,5 điểm)

2.



Hai tia Ox và Oy chung gốc (5 điểm)

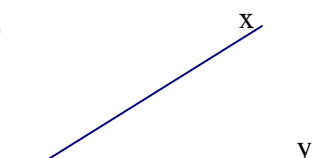
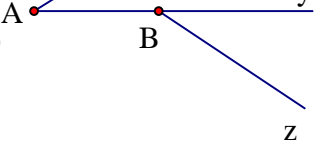
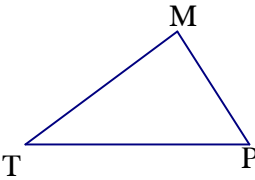
b) Nội dung bài mới.

Đặt vấn đề: Hai tia Ox và Oy chung gốc tạo thành một hình. Hình đó gọi là góc. Vậy góc là gì? Đó chính là nội dung của tiết hôm nay.

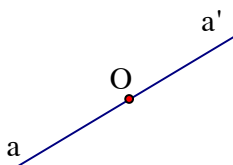
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Vẽ hình 4 (SGK) lên bảng. Quan sát hình 4 và trả lời câu hỏi: Góc là gì?	Nêu định nghĩa	1. Góc (13 phút)

Giới thiệu các yếu tố của góc. Nhìn hình 4, xác định đỉnh, cạnh của góc? Giới thiệu cách đọc, cách viết kí hiệu về góc. Mỗi em hãy vẽ hai góc; đặt tên và viết kí hiệu góc. Đưa ra đề BT, yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài trong 4 phút. Sau đó gọi một HS lên bảng làm.	Nghe giảng và ghi bài. Thực hiện theo yêu cầu của GV. Một HS lên bảng làm, dưới lớp làm vào vở, sau đó theo dõi và nhận xét	The diagram shows an angle with vertex O. Two rays, Ox and Oy, originate from O. Ray Ox points towards the upper right, and ray Oy points towards the lower right. A small arc is drawn between the two rays to indicate the angle. ĐN: Góc là hình gồm 2 tia chung gốc. - Góc chung của 2 tia gọi là đỉnh của góc. - Hai tia gọi là 2 cạnh của góc. O là đỉnh góc. Ox; Oy là hai cạnh của góc. Đọc là góc xOy (hoặc góc yOx, hoặc đọc là góc O) Kí hiệu: $\widehat{xOy}$ ($\widehat{yOx}$; $\widehat{O}$) Ngoài ra còn kí hiệu là $\angle xOy$; $\angle yOx$; $\angle O$. Lưu ý: Đỉnh góc viết ở giữa và viết to hơn hai chữ bên cạnh.
--	--	---

GIÁO ÁN HÌNH HỌC 6

Hình vẽ	Tên góc (cách viết thông thường)	Tên đỉnh	Tên cạnh	Tên góc (cách viết kí hiệu)
1) 	Góc xAy	A	Ax; Ay	$\widehat{xAy}$
2) 	Góc yBz	B	By; Bz	$\widehat{yBz}$
3) 	Góc TMP	M	MT; MP	$\widehat{TMP}$

Quan sát hình vẽ sau và trả lời câu hỏi:
ở hình vẽ này có góc nào không? Nếu có hãy chỉ rõ đó là góc nào?



Góc aOa' có đặc điểm gì?

Góc aOa' có hai tia Oa và Oa' đối nhau nên được gọi là góc bẹt. Vậy góc bẹt là góc như thế nào?

Giới thiệu định nghĩa, cho một số HS nhắc lại.

Làm ? .

Trên hình vẽ có một góc đó là góc aOa'

Có hai tia Oa và Oa' đối nhau

Góc do kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành lúc 6 giờ.

2. Góc bẹt (5 phút)

ĐN: Góc bẹt là góc có 2 cạnh là 2 tia đối nhau.



Nêu 1 số hình ảnh của góc, của góc bẹt trong thực tế?

Để vẽ góc ta cần biết các yếu tố nào?

Để vẽ góc xOy ta sẽ vẽ như thế nào?

Yêu cầu HS: Vẽ 2 tia chung gốc trong một số trường hợp: Đặt tên góc và viết kí hiệu cho các góc tương ứng.

Hãy vẽ góc xOt , sau đó vẽ tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Ot ? Trên hình vừa vẽ có mấy góc? Đọc tên?

Lưu ý: Sử dụng đường cung nhỏ nối 2 cạnh của góc để dễ thấy góc mà ta đang xét tới. Để dễ phân biệt các góc chung đỉnh ta còn có thể dùng các chỉ số. Ví dụ:

$\widehat{O_1}; \widehat{O_2} \dots$

ở góc xOy lấy điểm M như hình vẽ thì ta nói điểm M là điểm nằm trong góc xOy . Vẽ tia OM .

Quan sát và cho biết trong 3 tia $OM; Ox; Oy$ tia nào nằm giữa hai tia còn lại?

- Ta chỉ xét điểm nằm trong góc xOy khi 2 tia Ox, Oy không đối nhau.

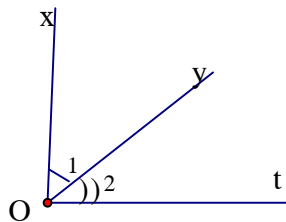
Chẳng hạn: Góc tạo bởi: compa, 2 tia trong bắn pháo hoa ... (Trang 71 - SGK).

Đỉnh, cạnh của góc.

Vẽ hai tia chung gốc Ox và Oy

- Gọi 1 HS lên bảng thực hiện.

- Dưới lớp vẽ vào vở.



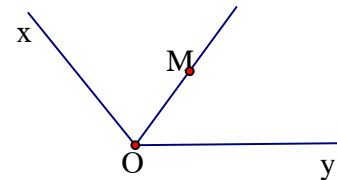
Trên hình có ba góc đó là $\widehat{xOy}; \widehat{yOt}; \widehat{xOt}$
Nghe giảng.

Thực hiện theo yêu cầu của GV.

Tia OM nằm giữa hai tia Ox và Oy .

3. Vẽ góc (7 phút) (SGK-74)

4. Điểm nằm bên trong góc (7 phút)



Khi 2 tia Ox, Oy không đối nhau, điểm M là điểm nằm bên trong xOy nếu tia OM nằm giữa 2 tia Ox, Oy .

GIÁO ÁN HÌNH HỌC 6

- Khái niệm: “điểm nằm trong” sẽ không có nghĩa khi 2 tia Ox, Oy đối nhau.		Khi đó ta nói: Tia OM nằm trong xOy.
--	--	--------------------------------------

c) Củng cố, luyện tập (7 phút)

Nêu định nghĩa góc? Nhắc lại ĐN góc bẹt? Đưa ra bảng phụ ghi đề bài 6; gọi một HS lên bảng điền.	Phát biểu ĐN Một HS lên bảng làm, dưới lớp làm vào vở	<u>Bài 6 (SGK - 75)</u> a) góc $\widehat{xOy}$; đỉnh góc; hai cạnh của góc; b) S; SR; ST c) góc có hai cạnh là hai tia đối nhau.
--	--	--

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (1 phút)

- Học bài theo SGK + Vở ghi.
 - BTVN: 7; 10 (75 - SGK) + 6 $\rightarrow$ 10 (53 - SBT).
- Đọc trước bài: Số đo góc. (Chuẩn bị: Thước đo góc)



Ngày soạn:
Tiết 18

Ngày dạy:
SỐ ĐO GÓC

1. Mục tiêu

a) Kiến thức

- Công nhận mỗi góc có một số đo xác định. Số đo của góc bẹt là 180^0 . Biết định nghĩa góc vuông, góc nhọn, góc tù.

b) Kỹ năng

- Biết đo góc bằng thước đo góc.
- Biết so sánh 2 góc.

c) Thái độ

- Đo góc cẩn thận, chính xác.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên: SGK, thước đo góc, êke, đồng hồ có kim; hình 17 (bảng phụ)

b) Học sinh: Thước đo góc, êke.

3. Tiến trình bài dạy

a) Kiểm tra bài cũ (5 phút)

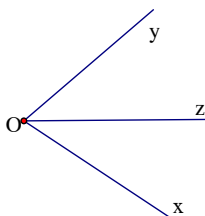
Câu hỏi

HS: 1. Vẽ một góc, đặt tên. Chỉ rõ đỉnh, cạnh của góc.

2. Vẽ một tia nằm giữa hai cạnh của góc, đặt tên tia đó? Hỏi trên hình vừa vẽ có mấy góc? Viết tên các góc đó?

Đáp án

HS:



1. $\widehat{xOy}$

Đỉnh O.

Hai cạnh: Ox; Oy (5 điểm)

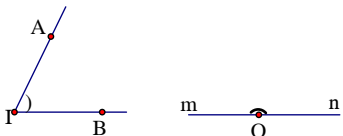
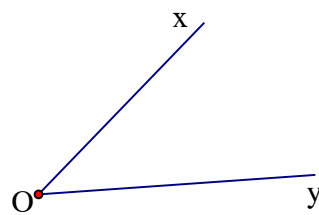
2. Trên hình có ba góc đó là các góc:

$\widehat{xOy}$; $\widehat{xOz}$; $\widehat{zOy}$ (5 điểm)

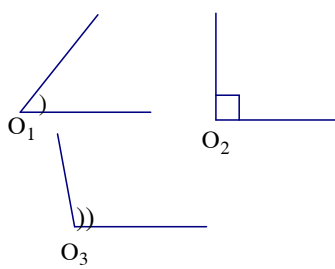
b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề : Trên hình bạn vừa vẽ có ba góc? Làm thế nào để biết được các góc đó bằng nhau hay không bằng nhau? Để trả lời được câu hỏi đó thì chúng ta phải dựa vào số đo góc của chúng để so sánh. Vậy số đo góc là gì? Chúng ta cùng xét bài hôm nay.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Vẽ góc xOy. Để xác định số đo của góc xOy, ta đo góc xOy bằng một dụng cụ gọi là thước đo góc (thước đo độ).	Vẽ hình theo giáo viên.	<u>1. Đo góc (18 phút)</u>

- Giới thiệu thước đo góc. Nêu cấu tạo của thước đo góc? - Hướng dẫn đo xOy (như SGK) + b₁: Đặt thước. + b₂: Đọc số đo góc. Góc có số đo 105⁰ còn gọi là góc 105⁰ Yêu cầu HS vẽ xOy bất kì vào vở và đo xOy. Hãy cho biết số đo độ của xOy mà em đã vẽ? Yêu cầu HS đổi vở để kiểm tra kết quả đo góc xOy của HS. Cho các góc sau, hãy xác định số đo của mỗi góc:  Cho biết mỗi góc có mấy số đo? Số đo của góc bẹt bằng bao nhiêu độ? So sánh số đo các góc với 180⁰? Cho HS [?]1 Đo độ mở của cái kéo (hình 11), của com pa (hình 12). Đọc số đo các góc: xOy; xOz; xOt trong hình 18?	Cấu tạo: Là một nửa hình tròn được chia thành 180 phần bằng nhau và được ghi từ 0 đến 180. Tâm của nửa hình tròn là tâm của thước. Thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên. Thực hiện vẽ và đo góc. Kiểm tra theo cặp kết quả đo góc của bạn. $\widehat{AIB} = 60^0; \widehat{mOn} = 180^0$ Nêu nhận xét. [?]1 Độ mở của cái kéo: 60⁰. Độ mở của compa: 52⁰. <u>Bài 11 (79-SGK)</u> $\widehat{xOz} \widehat{xOy} = 50^0; = 100^0;$ $\widehat{xOt} = 130^0$	 Dụng cụ đo: thước đo góc Cấu tạo: Là một nửa hình tròn được chia thành 180 phần bằng nhau và được ghi từ 0 đến 180. Tâm của nửa hình tròn là tâm của thước. Cách đo: (SGK-76) - Chẳng hạn xOy có số đo độ là 105⁰. Kí hiệu là: $\widehat{xOy} = 105^0$ hay $\widehat{yOx} = 105^0$ * Nhận xét: SGK - 77. [?]1 Độ mở của cái kéo: 60⁰. Độ mở của compa: 52⁰.
--	---	---

Vì sao các số từ 0^0 đến 180^0 được ghi trên thước đo góc theo 2 chiều ngược nhau? Phân tích chú ý này thông qua 2 hình vẽ (hình 13 - SGK). Hướng dẫn đổi đơn vị đo: + Độ ra phút: $1^0 = 60'$. + Phút ra giây: $1' = 60''$. $\widehat{AIB} = 60^0$; $\widehat{mOn} = 180^0$. Ta nói $\widehat{mOn}$ lớn hơn góc $\widehat{AIB}$. Vậy để so sánh hai góc, ta căn cứ vào đâu? Chốt lại: - Muốn so sánh 2 góc ta so sánh số đo của chúng. Có $\widehat{AIB} = 60^0$; $\widehat{xOy} = 60^0$ $\Rightarrow \widehat{AIB} = \widehat{xOy} = 60^0$ Vậy hai góc bằng nhau khi nào? Giới thiệu cách viết kí hiệu: Có : $\widehat{sOt} = 142^0$; $\widehat{pIq} = 35^0$ $\Rightarrow \widehat{sOt} > \widehat{pIq}$ Vậy trong hai góc không bằng nhau góc nào là góc lớn hơn? Cho HS HĐ nhóm làm bài tập sau:	Để việc đo góc được thuận tiện. Căn cứ vào số đo của chúng. Hai góc bằng nhau nếu số đo của chúng bằng nhau. Trong hai góc không bằng nhau góc nào có số đo lớn hơn thì góc đó lớn hơn.	* Chú ý: SGK-77 Đơn vị đo góc là độ, đơn vị nhỏ hơn là phút, giây. 1 độ kí hiệu là 1^0 1 phút kí hiệu là $1'$ 1 giây kí hiệu là $1''$ Đổi đơn vị đo : + Độ ra phút: $1^0 = 60'$. + Phút ra giây: $1' = 60''$. <u>2. So sánh 2 góc (7 phút)</u> Hai góc bằng nhau nếu số đo của chúng bằng nhau. Góc $\widehat{AIB}$ bằng góc $\widehat{xOy}$ được kí hiệu là $\widehat{AIB} = \widehat{xOy}$ Trong hai góc không bằng nhau góc nào có số đo lớn hơn thì góc đó lớn hơn.
---	---	--

Xác định số đo của các góc sau và so sánh $\widehat{O_1}$ với $\widehat{O_2}$; $\widehat{O_2}$ với $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_3}$  $\widehat{O_1} = 55^\circ$ được gọi là góc nhọn. $\widehat{O_2} = 90^\circ$ được gọi là góc vuông. $\widehat{O_3} = 135^\circ$ được gọi là góc tù. Thế nào là góc vuông, góc nhọn, góc tù? - Hướng dẫn HS vẽ góc vuông bằng eke.	$\widehat{O_1} = 55^\circ$ $\widehat{O_2} = 90^\circ$ $\widehat{O_3} = 135^\circ$ $\widehat{O_1} < \widehat{O_2}$ $\widehat{O_1} < \widehat{O_2} < \widehat{O_3}$ Suy nghĩ - Trả lời. Đọc các định nghĩa (SGK - 78). - Chốt lại: các góc đã học bằng hình 17.	<u>3. Góc vuông, góc nhọn, góc tù (5 phút)</u> Định nghĩa: SGK - 78.
--	---	---

c) Củng cố, luyện tập (8 phút)

Cho HS hoạt động cá nhân làm bài 12 trong 3 phút, sau đó gọi một HS lên bảng làm. Nêu cách đo góc? Muốn so sánh hai góc ta làm như thế nào? Có những loại góc nào?	Một HS lên bảng làm, dưới lớp làm vào vở Trả lời.	<u>Bài 12 (SGK - 79)</u> $\widehat{BAC} = 60^\circ$ $\widehat{ABC} = 60^\circ$ $\widehat{ACB} = 60^\circ$ $\Rightarrow \widehat{BAC} = \widehat{ABC} = \widehat{ACB} = 60^\circ$
--	---	---

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (2 phút)

- Học bài theo SGK và vở ghi.
- Nắm vững cách đo góc.
- Phân biệt góc vuông, góc nhọn, góc tù.
- Làm BT 12; 13; 15; 16 (SGK).

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 19

CỘNG SỐ ĐO HAI GÓC

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

- HS nhận biết và hiểu khi nào thì $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$.
- HS nắm vững và nhận biết được các khái niệm: hai góc kề nhau, hai góc phụ nhau, hai góc bù nhau, hai góc kề bù.

b) Kỹ năng

- Củng cố và rèn kỹ năng sử dụng thước đo góc, kỹ năng nhận biết quan hệ giữa hai góc.
- Biết cộng số đo 2 góc kề nhau có cạnh chung nằm giữa 2 cạnh còn lại.

c) Thái độ

- Vẽ, đo cẩn thận, chính xác.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên: SGK, thước đo góc, thước thẳng, hình vẽ (sau đề bài).

b) Học sinh: Thước đo góc, thước thẳng.

3. Tiến trình bài dạy

a) Kiểm tra bài cũ (7 phút)

Câu hỏi

1. Vẽ góc xOz . Vẽ tia Oy nằm giữa hai cạnh của góc xOz .
2. dùng thước đo góc, đo các góc trên hình.
3. So sánh $\widehat{xOy} + \widehat{yOz}$ với $\widehat{xOz}$

Đáp án

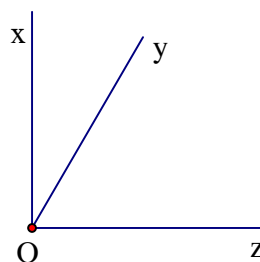
2.

$$\widehat{xOy} = 30^\circ; \widehat{yOz} = 60^\circ \quad (3 \text{ điểm})$$

$$\widehat{xOz} = 90^\circ$$

$$3. \widehat{xOy} + \widehat{yOz} = 30^\circ + 60^\circ = 90^\circ$$

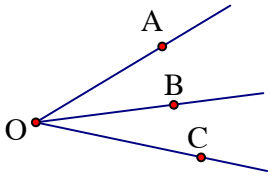
$$\text{Vậy } \widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz} \quad (3 \text{ điểm})$$

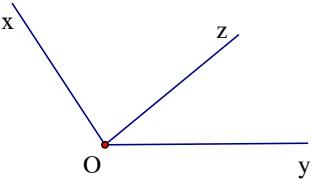


(4 điểm)

b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề: Khi nào thì tổng số đo hai góc $\widehat{xOy}$ và $\widehat{yOz}$ bằng $\widehat{xOz}$?

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Khi nào thì tổng số đo hai góc $\widehat{xOy}$ và $\widehat{yOz}$ bằng $\widehat{xOz}$? Ngược lại nếu chúng ta có $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$ thì tia Oy cũng nằm giữa hai tia Ox và Oz. Đó cũng chính là nội dung của phần nhận xét SGK - 81. Gọi một vài HS nhắc lại nhận xét.	Khi tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz. Đọc nội dung phần nhận xét.	1. Khi nào thì tổng số đo hai góc $\widehat{xOy}$ và $\widehat{yOz}$ bằng $\widehat{xOz}$ (14 phút) Nhận xét: Nếu tia Oy nằm giữa 2 tia Ox và Oz thì $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$ Ngược lại nếu: $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$ thì tia Oy nằm giữa 2 tia Ox và Oz.
Cho hình vẽ sau:  Với hình vẽ này ta có thể phát biểu nhận xét trên như thế nào? Áp dụng nhận xét trên, giải BT 18 - SGK. (Đưa đầu bài, hình vẽ lên bảng phụ). Gọi HS đứng tại chỗ trả lời?	Vì tia OB nằm giữa hai tia OA và OC nên ta có: $\widehat{OAB} + \widehat{BOC} = \widehat{AOC}$ Thực hiện và báo cáo kết quả.	<u>Bài 18 (SGK - 82)</u> Vì tia OA nằm giữa hai tia OC và OB nên ta có: $\widehat{COA} + \widehat{AOB} = \widehat{COB}$ Mà $\widehat{BOA} = 45^\circ; \widehat{AOC} = 32^\circ$

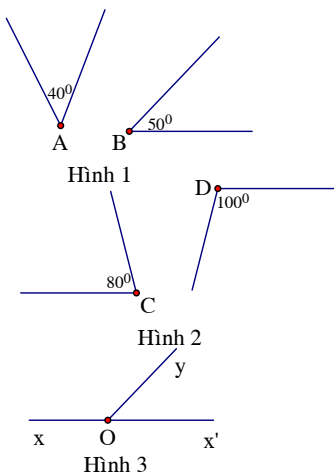
Cho hình vẽ, đẳng thức sau đúng hay sai? Vì sao? $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$?  Nếu cho ba tia chung gốc trong đó một tia nằm giữa hai tia còn lại thì trong hình có mấy góc? Chỉ cần đo mấy góc ta sẽ biết được số đo của cả ba góc? Quay lại hình ban đầu (hình 23 - SGK) Góc $\widehat{xOy}$ và $\widehat{yOz}$ là hai góc kề nhau. Vậy thế nào là 2 góc kề nhau? Chúng	Đẳng thức sai vì tia Oy không nằm giữa 2 tia Ox, Oz. Trong hình có ba góc. Chỉ cần đo hai góc ta sẽ biết được số đo của cả ba góc.	nên $\widehat{COB} = 32^\circ + 45^\circ = 77^\circ$ Vậy $\widehat{COB} = 77^\circ$
ta sẽ chuyển sang phần hai. Ghi tên 4 khái niệm lên bảng, cho HS toàn lớp nghiên cứu SGK về 4 khái niệm trong 4 phút. Nhóm 1: Thế nào là 2 góc kề nhau? Vẽ hình minh họa, chỉ rõ 2 góc kề nhau trên hình? Nhóm 2: Thế nào là 2 góc phụ nhau? Tìm số đo của góc phụ với góc $30^\circ, 45^\circ$? Nhóm 3: Thế nào là 2 góc bù nhau? Cho $\widehat{A} = 105^\circ, \widehat{B} = 75^\circ$. Hai góc $\widehat{A}$ và $\widehat{B}$	Đọc các khái niệm trong SGK - 81. Thực hiện hoạt động nhóm và báo cáo kết quả.	<u>2. Hai góc kề nhau, phụ nhau, bù nhau, kề bù (12 phút)</u> Định nghĩa: (SGK - 81)

có bù nhau không? Vì sao? Nhóm 4: Thế nào là 2 góc kề bù? Tổng số đo 2 góc kề bù bằng bao nhiêu? Vẽ hình minh họa? Hai góc $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_2}$ kề bù khi nào? Trả lời [?]2	Khi hai góc vừa kề nhau vừa bù nhau. 180°	
---	---	--

c) Củng cố, luyện tập (10 phút)

Em hiểu thế nào là hai góc kề nhau? Muốn kiểm tra xem hai góc có phụ nhau không ta làm như thế nào? Hai góc bù nhau là hai góc thỏa mãn điều kiện gì? Thế nào là hai góc kề bù? BT: cho các hình vẽ, hãy chỉ ra quan hệ giữa các góc trong hình.	Hai góc kề nhau là hai góc có một cạnh chung và hai cạnh còn lại nằm trên hai nửa mặt phẳng đối nhau có bờ là cạnh chung. Tìm tổng số đo hai góc. Nếu tổng số đo hai góc bằng 90° thì hai góc phụ nhau. Nếu tổng số đo hai góc khác 90° thì hai góc không phụ nhau. Trả lời. Quan sát hình vẽ và trả lời.	<u>Bài tập</u> Hình 1: Hai góc phụ nhau. Hình 2: Hai góc bù nhau. Hình 3: Hai góc kề bù.
---	--	--

GIÁO ÁN HÌNH HỌC 6

 Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4 Nêu mối quan hệ giữa các góc trong hình vẽ?	Hình 1: Hai góc phụ nhau. Hình 2: Hai góc bù nhau. Hình 3: Hai góc kề bù.	
--	--	--

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (2 phút)

- Học thuộc nhận xét và các khái niệm.
- Nhận biết được hai góc kề nhau, phụ nhau, bù nhau, hai góc kề bù.
- BTVN: 19; 20; 21; 22; 23 (82 & 83 - SGK).
- Đọc trước bài: Vẽ góc biết số đo cho trước.



Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 20

VỀ GÓC CHO BIẾT SỐ ĐO

1. Mục tiêu

a) Kiến thức

- HS hiểu trên nửa mặt phẳng xác định có bờ chứa tia Ox, bao giờ cũng vẽ được 1 và chỉ 1 tia Oy sao cho $\widehat{xOy} = m^0$ ($0^0 < m < 180^0$).

b) Kỹ năng

- HS biết vẽ góc có số đo cho trước bằng thước thẳng và thước đo góc.

c) Thái độ

- Đo, vẽ cẩn thận, chính xác.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên: Thước thẳng, thước đo góc, phiếu học tập.

b) Học sinh: Thước thẳng, thước đo góc, bảng nhóm.

3. Tiến trình bài dạy

a) Kiểm tra bài cũ (7 phút)

Câu hỏi

HS1: Khi nào thì $\widehat{xOy} = \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$? Chữa BT 20 (82 - SGK).

Đáp án

HS: Nếu tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz thì $\widehat{xOy} = \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$ (3 điểm)

Bài 20

Vì tia OI nằm giữa 2 tia OA và OB nên ta có:

$$\widehat{AOB} = \widehat{AOI} + \widehat{IOB}$$

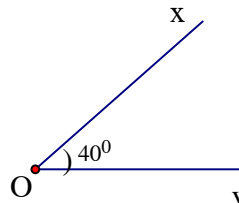
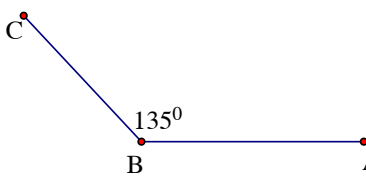
$$\text{Mà } \widehat{BOI} = \frac{1}{4} \widehat{AOB} \text{ nên } \widehat{BOI} = \frac{1}{4} \cdot 60^0 = 15^0$$

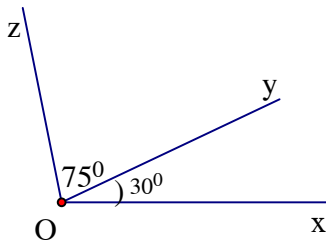
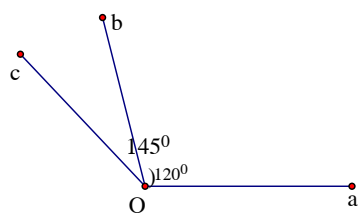
$$\Rightarrow \widehat{AOI} = \widehat{AOB} - \widehat{IOB} = 60^0 - 15^0 = 45^0$$

$$\text{Vậy } \widehat{BOI} = 15^0; \widehat{AOI} = 45^0$$

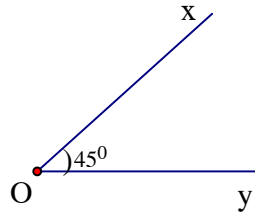
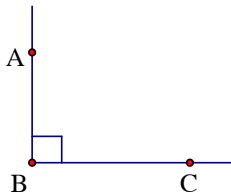
b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề : Khi có một góc, ta có thể xác định được số đo của nó bằng thước đo góc, ngược lại nếu cho biết số đo của một góc, làm thế nào để vẽ được góc đó. Ta xét bài hôm nay:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Khi có một góc chúng ta có thể xác định được số đo của nó bằng thước đo góc. Ngược lại nếu biết số đo của một góc, làm thế nào để vẽ được góc đó. Ta sẽ xét qua các ví dụ sau: Yêu cầu HS tự nghiên cứu SGK rồi vẽ hình vào vở. Nêu cách vẽ $\widehat{xOy} = 40^\circ$? (Yêu cầu 1 HS lên bảng vẽ hình, vừa trình bày cách vẽ) Gọi 1 HS khác lên kiểm tra hình vẽ của bạn. Thao tác lại cách vẽ góc 40°. Khi vẽ $\widehat{xOy}$, vẽ được mấy tia Oy để $\widehat{xOy} = 40^\circ$? Giới thiệu nhận xét. Để vẽ $\widehat{ABC} = 135^\circ$ em sẽ tiến hành như thế nào? Gọi 1 HS lên bảng vẽ, HS khác vẽ vào vở. Nêu đề VD₃: Nêu yêu cầu của bài toán ? Nêu cách vẽ?	Đọc đề ví dụ. Tự nghiên cứu VD trong SGK và vẽ hình vào vở. Một HS lên bảng, dưới lớp vẽ vào vở. Lên bảng đo $\widehat{xOy}$ vừa vẽ. Vẽ được duy nhất 1 tia Oy. Đọc nhận xét. - Vẽ tia BA. - Vẽ tia BC tạo với tia BA 1 góc 135°. Thực hiện theo yêu cầu của GV - Vẽ $\widehat{xOy} = 30^\circ$ - Vẽ $\widehat{xOz} = 75^\circ$ trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox. Cách vẽ: - Vẽ tia Ox.	<u>1. Vẽ góc trên nửa mặt phẳng (10 phút)</u> a) VD₁: Cho tia Ox, vẽ $\widehat{xOy} = 40^\circ$? * Cách vẽ: Đặt thước đo góc trên nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox, sao cho tâm thước trùng với điểm O, tia Ox đi qua vạch 0 của thước. - Kẻ tia Oy đi qua vạch chỉ 40° của thước.  * Nhận xét: (SGK - 83) b) VD₂: Hãy vẽ ABC, biết $\widehat{ABC} = 135^\circ$  <u>2. Vẽ hai góc trên nửa mặt phẳng (13 phút)</u> VD₃ (SGK - 84) Giải

Gọi HS lên bảng vẽ hình. Có NX gì về vị trí của 3 tia Ox, Oy, Oz? Trên cùng 1 nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Oa. Vẽ $\widehat{aOb} = 120^\circ$, $\widehat{aOc} = 145^\circ$. Cho NX về vị trí của 3 tia Oa, Ob, Oc? Trên 1 nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox, vẽ $\angle xOy = m^\circ$, $\angle xOz = n^\circ$, $m < n$. Hỏi tia nào nằm giữa 2 tia còn lại? (GV chỉ lên hình vẽ trong VD₃) Giới thiệu nhận xét. Đây là 1 dấu hiệu nhận biết 1 tia nằm giữa 2 tia khác.	- Trên cùng 1 nửa mp bờ chứa tia Ox, vẽ tia Oy và tia Oz tạo với tia Ox một góc $\widehat{xOy} = 30^\circ$, $\widehat{xOz} = 75^\circ$. Một HS lên bảng vẽ hình, dưới lớp vẽ vào vở. Tia Oy nằm giữa 2 tia Ox và Oz.   Tia Ob nằm giữa 2 tia Oa và Oc. (vì $120^\circ < 145^\circ$) Trả lời. Đọc NX.	- Tia Oy nằm giữa 2 tia Ox, Oz (vì $30^\circ < 75^\circ$) * Nhận xét: (SGK - 84)
---	---	--

c) Củng cố, luyện tập (13 phút)

Làm bài 24? Gọi 1 HS khác lên kiểm tra số đo của góc vừa vẽ. BT: Vẽ góc $\widehat{ABC} = 90^\circ$ theo hai cách: <i>Cách 1:</i> Dùng thước đo góc. <i>Cách 2:</i> Dùng eke vuông. Yêu cầu HS làm bài trong 3 phút, sau đó gọi hai HS lên bảng làm. Phát phiếu học tập yêu cầu HS làm bài trong 3 phút, sau đó GV thu một số bài, đưa ra đáp án đúng cho HS so sánh với bài làm của mình. Điền vào chỗ trống để được câu đúng: a) Trên nửa mặt phẳng Bao giờ cũng ... tia Oy sao cho $\widehat{xOy} = n^\circ$ b) Trên nửa mặt phẳng cho trước vẽ $\widehat{xOy} = m^\circ$; $\widehat{xOz} = n^\circ$ nếu $m > n$ thì	Một HS lên bảng vẽ hình. Dưới lớp vẽ vào vở. HS dưới lớp đổi vở để kiểm tra. Hai HS lên bảng vẽ hình. Dưới lớp vẽ vào vở. Thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.	<u>Bài 24 (SGK - 84)</u>  <u>Bài tập</u>  <u>Bài tập</u> a) Trên nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox bao giờ cũng vẽ được một tia Oy sao cho $\widehat{xOy} = n^\circ$ b) Trên nửa mặt phẳng cho trước vẽ $\widehat{xOy} = m^\circ$; $\widehat{xOz} = n^\circ$ nếu $m > n$ thì tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy.
--	---	--

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (2 phút)

- Tập vẽ góc với số đo cho trước.
- Học thuộc 2 nhận xét.
- BTVN: 26; 28; 29 (84; 85 - SGK)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 21

TIA PHÂN GIÁC CỦA GÓC

1. Mục tiêu

Kiến thức

- HS hiểu thế nào là tia phân giác của góc?
- HS hiểu đường phân giác của góc là gì?

b) Kỹ năng

- Biết vẽ tia phân giác của góc.

c) Thái độ

- Rèn tính cẩn thận khi vẽ, đo, gấp giấy.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên: Thước thẳng, compa, thước đo góc, giấy để gấp, bảng phụ.

b) Học sinh: Thước thẳng

3. Tiến trình bài dạy

Câu hỏi

HS: Cho tia Ox trên cùng 1 nửa mp bờ chứa tia Ox, vẽ tia Oy, Oz sao cho:

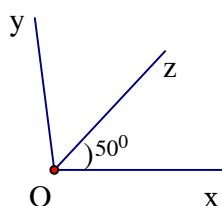
$$\widehat{xOy} = 100^\circ, \widehat{xOz} = 50^\circ.$$

a) Vị trí tia Oz như thế nào đối với 2 tia Ox, Oy?

b) Tính $\widehat{yOz}$, so sánh $\widehat{yOz}$ với $\widehat{xOz}$?

Đáp án

HS:



(4 điểm)

a) Tia Oz nằm giữa 2 tia Ox, Oy. ($\widehat{xOy} > \widehat{xOz}$) (2 điểm)

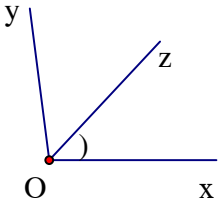
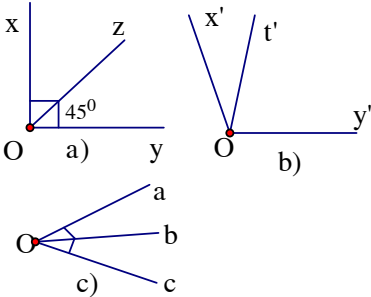
b) Vì Oz nằm giữa 2 tia Ox, Oy nên: $\widehat{xOz} + \widehat{zOy} = \widehat{xOy}$

$$\widehat{yOz} = \widehat{xOy} - \widehat{xOz} = 100^\circ - 50^\circ = 50^\circ.$$

Do đó $\widehat{yOz} = \widehat{xOz}$. (4 điểm)

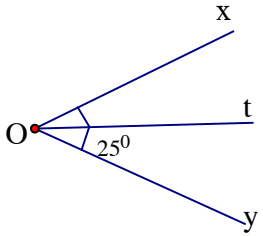
b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề: Tia Oz nằm giữa 2 tia Ox và Oy và tạo với Ox, Oy 2 góc bằng nhau ta nói Oz là tia phân giác của $\widehat{xOy}$

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Qua BT trên em nào cho biết tia phân giác của một góc là gì? Khi nào tia Oz là tia phân giác của $\widehat{xOy}$? Lấy hình vẽ (chữa BT) để chỉ cho HS rõ. - Treo bảng phụ (vẽ 3 hình) Hãy quan sát các hình vẽ, dựa vào định nghĩa, cho biết tia nào là tia phân giác của góc trên hình?	Nêu định nghĩa (SGK) - Hình a: Oz là tia phân giác của $\widehat{xOy}$ - Hình c: Tia Ob là tia phân	<u>1.Tia phân giác của 1 góc là gì? (10 phút)</u> Định nghĩa: (SGK - 85) 
 Nêu đề bài (VD) Ta phải vẽ tia Oz thoả mãn ĐK gì? Vậy phải vẽ $\widehat{xOy} = 64^\circ$. Vẽ tiếp tia Oz nằm giữa 2 tia Ox, Oy sao cho $\widehat{xOz} = 32^\circ$.	giác của $\widehat{aOc}$. Thỏa mãn hai điều kiện: - Tia Oz nằm giữa 2 tia Ox, Oy. $\widehat{xOz} = \widehat{zOy} = \frac{\widehat{xOy}}{2} = \frac{64^\circ}{2} = 32^\circ$	<u>2.Cách vẽ tia phân giác của 1 góc (10 phút)</u> VD: Vẽ tia phân giác Oz của xOy có số đo 64°. - Cách 1: Dùng thước đo góc. + Cách vẽ: SGK - 85.

Gọi 1 HS lên bảng vẽ hình. Kiểm tra lại bài của HS HS làm BT₁: Cho $\widehat{AOB} = 80^\circ$. Vẽ tia phân giác OC của $\widehat{AOB}$. Gọi 1 HS lên bảng kiểm tra lại cách vẽ. Ngoài cách dùng thước đo góc còn cách nào khác có thể xác định được phân giác của $\widehat{AOB}$ không? Yêu cầu HS xem hình 38 - SGK. Trình bày cách gấp giấy. Mỗi góc (không phải góc bẹt) có mấy tia phân giác? Cho góc bẹt $\widehat{xOy}$. Hãy vẽ tia phân giác của góc này? Góc bẹt có mấy tia phân giác? Góc bẹt có 2 tia phân giác là 2 tia đối nhau. Đường thẳng tt' là đường phân giác của góc xOy. Vậy đường phân giác của một góc là gì?	Một HS lên bảng vẽ hình. Dưới lớp vẽ vào vở. Lên bảng vẽ bằng thước đo góc. Lên bảng kiểm tra. Dưới lớp thực hành cách gấp giấy. Chỉ có một tia phân giác. Nêu NX. Đường thẳng chứa tia phân giác của 1 góc là đường phân giác của góc đó.	+ Cách 2: gấp giấy (SGK - 86) * Nhận xét: (SGK - 86) 3. Chú ý (3 phút) Đường thẳng chứa tia phân giác của 1 góc là đường phân giác của góc đó.
---	---	---

c) Củng cố, luyện tập (13 phút)

Đọc đề? Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài trong 5 phút. Vẽ hình và làm phần a ? Tính số đo góc tOy? Tia Ot có phải là tia phân giác của góc xOy không? Vì sao? Treo bảng phụ ghi nội dung đề bài 33(SGK - 87). Yêu cầu HS HĐ cá nhân làm bài trong 3 phút. Gọi HS đứng tại chỗ trả lời? Thế nào là tia phân giác của một góc?	Đọc đề bài. Một HS lên bảng làm, dưới lớp làm vào vở. Ta có $\widehat{xOt} + \widehat{tOy} = \widehat{xOy}$ $\Rightarrow \widehat{tOy} = \widehat{xOy} - \widehat{xOt}$ $= 50^0 - 25^0 = 25^0$ Tia Ot là tia phân giác của xOy vì tia Ot nằm giữa 2 tia Ox, Oy và $\widehat{xOt} = \widehat{tOy}$. Thực hiện và báo cáo kết quả.	<u>Bài 30 (SGK - 87)</u>  a) Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox có 2 tia Ot, Oy sao cho $\widehat{xOt} < \widehat{xOy}$ ($25^0 < 50^0$) nên tia Ot nằm giữa 2 tia Ox, Oy. b) Ta có $\widehat{xOt} + \widehat{tOy} = \widehat{xOy}$ $\Rightarrow \widehat{tOy} = \widehat{xOy} - \widehat{xOt}$ $= 50^0 - 25^0 = 25^0$ c) Tia Ot là tia phân giác của góc xOy vì tia Ot nằm giữa 2 tia Ox, Oy và $\widehat{xOt} = \widehat{tOy}$. <u>Bài 33 (SGK - 87)</u> a) Sai b) Sai c) Đúng d) Đúng.
---	---	---

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (2 phút)

- Học thuộc định nghĩa tia phân giác của một góc.
- Xem lại các bài tập đã làm.
- BTVN: 32; 33; 34 (87 - SGK).
- Tiết sau : Luyện tập.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 22

LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

a) Kiến thức

- củng cố và khắc sâu kiến thức về tia phân giác của một góc.

b) Kỹ năng

- Rèn kỹ năng giải bài tập về tính góc, kỹ năng áp dụng tính chất về tia phân giác của 1 góc để làm bài tập.
- Rèn kỹ năng vẽ hình.

c) Thái độ

- Yêu thích môn học.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên: SGK, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng, thước đo độ.

b) Học sinh: Làm BT, thước thẳng, thước đo độ.

3. Tiến trình bài dạy.

a) Kiểm tra viết 15 phút

Đề bài

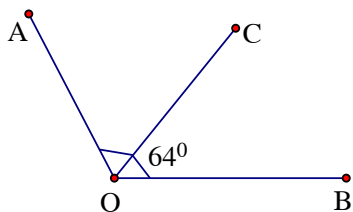
1) Thế nào là tia phân giác của một góc ?

2) Vẽ tia phân giác của $\widehat{AOB} = 128^\circ$?

Đáp án

1. Tia phân giác của 1 góc là tia nằm giữa 2 cạnh của góc và tạo với 2 cạnh ấy 2 góc bằng nhau (4 điểm)

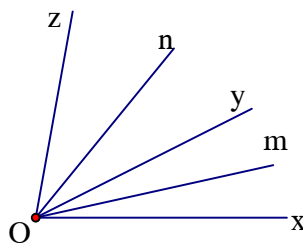
(6 điểm)

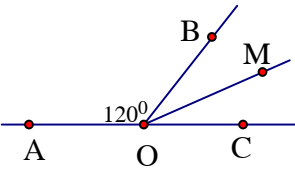


b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề: Tiết hôm nay chúng ta sẽ cùng làm một số BT để củng cố khắc sâu hơn kiến thức tia phân giác của một góc.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Đọc đề? Đề bài cho biết gì? Yêu cầu tìm gì?	Đọc và tóm tắt đề bài.	<u>Bài 36 (SGK - 87)(10 phút)</u>

Vẽ hình? Hướng dẫn HS Gợi ý: Để tính được góc mOn trước tiên chúng ta phải tính được góc mOy và góc yOn. Hãy tính góc mOy? Tương tự hãy tính góc yOn ? Vậy $\widehat{mOn} = ?$ Đưa ra BT: Cho góc AOB kề bù với góc BOC, biết góc AOB gấp đôi góc BOC. Vẽ tia phân giác OM của góc BOC. Tính góc AOM. Với các yếu tố cho như ở đầu bài thì chúng ta có thể vẽ hình ngay được không? Nếu không chúng ta phải làm gì? Hãy tính $\widehat{AOB}$; $\widehat{BOC}$?	Một HS lên vẽ hình, dưới lớp vẽ vào vở. Nghe giảng và ghi bài. Đứng tại chỗ trả lời (GV ghi bảng) Một HS lên bảng tính. Trả lời. Không thể vẽ hình ngay được mà phải tính góc AOB và góc BOC trước. Lên bảng tính.	 Tia Oz, Oy cùng thuộc một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox mà : $\left. \begin{array}{l} \widehat{xOy} = 30^\circ \\ \widehat{xOz} = 80^\circ \end{array} \right\} \Rightarrow \widehat{xOy} < \widehat{xOz}$ $\Rightarrow$ Tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz Vì Om là tia phân giác của góc xOy nên: $\widehat{mOy} = \frac{\widehat{xOy}}{2} = \frac{30^\circ}{2} = 15^\circ$ Vì On là tia phân giác của góc yOz nên: $\widehat{yOn} = \frac{\widehat{yOz}}{2} = \frac{80^\circ - 30^\circ}{2} = 25^\circ$ Vì tia Oy nằm giữa hai tia Om và On nên: $\widehat{mOn} = \widehat{mOy} + \widehat{yOn} = 15^\circ + 25^\circ = 40^\circ$ <u>Bài tập (8 phút)</u>
--	---	--

Vẽ hình? Hãy tính $\widehat{BOM}$? Yêu cầu HS hoạt động nhóm làm bài 32 trong 5 phút, sau đó cho đại diện các nhóm trình bày và nhận xét chéo.	Một HS lên bảng vẽ hình. OM là tia phân giác của góc BOC: $\Rightarrow \widehat{BOM} = \frac{\widehat{BOC}}{2} = \frac{60^0}{2} = 30^0$ Tia OB nằm giữa hai tia OA và OM: $\begin{aligned}\widehat{AOM} &= \widehat{AOB} + \widehat{BOM} \\ &= 120^0 + 30^0 = 150^0\end{aligned}$ Thực hiện hoạt động nhóm và báo cáo kết quả.	Theo đề bài ta có $\widehat{AOB}$; $\widehat{BOC}$ kề bù với nhau nên: $\widehat{AOB} + \widehat{BOC} = 180^0$ Mặt khác $\widehat{AOB} = 2\widehat{BOC}$ nên: $\begin{aligned}\widehat{BOC} + 2\widehat{BOC} &= 180^0 \\ 3\widehat{BOC} &= 180^0 \\ \Rightarrow \widehat{BOC} &= 60^0 \\ \Rightarrow \widehat{AOB} &= 2.\widehat{BOC} \\ &= 2.60^0 = 120^0\end{aligned}$  OM là tia phân giác của góc BOC: $\Rightarrow \widehat{BOM} = \frac{\widehat{BOC}}{2} = \frac{60^0}{2} = 30^0$ Tia OB nằm giữa hai tia OA và OM: $\begin{aligned}\widehat{AOM} &= \widehat{AOB} + \widehat{BOM} \\ &= 120^0 + 30^0 = 150^0\end{aligned}$ <u>Bài 32 (SBT -58)(9 phút)</u> $\left. \begin{aligned}\widehat{xOz} &= 90^0 - \widehat{zOy} \\ \widehat{yOt} &= 90^0 - \widehat{zOy}\end{aligned} \right\} \Rightarrow \widehat{xOz} = \widehat{yOt}$ Gọi Om là tia phân giác của góc yOz. $\widehat{zOm} = \widehat{yOm} \left(= \frac{\widehat{yOz}}{2} \right)$ $\Rightarrow \widehat{xOz} + \widehat{zOm} = \widehat{mOy} + \widehat{yOt}$ $\widehat{xOm} = \widehat{mOt}$ $\Rightarrow Om \text{ là tia phân giác của } \widehat{xOt}$
---	--	--

c) Củng cố(2 phút)

? Mỗi góc (khác góc bẹt) có mấy tia phân giác? Góc bẹt có mấy tia phân giác?

? Muốn chứng tỏ tia Ob là tia phân giác của $\widehat{aOc}$ ta làm thế nào?

HS :Chứng tỏ:

Tia Ob nằm giữa 2 tia Oa và Oc.

$$\widehat{bOa} = \widehat{bOc}.$$

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (1 phút)

- Xem lại các bài tập đã làm.
- BTVN: 37 (87 - SGK) + 31; 32; 33; 34 (SBT - 56)
- Chuẩn bị: Thực hành đo góc trên mặt đất
- (HS đọc trước bài)



Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 23, 24 THỰC HÀNH: ĐO GÓC TRÊN MẶT ĐẤT.

1. Mục tiêu

a) Kiến thức

- HS hiểu cấu tạo của giác kế.

b) Kỹ năng

- Biết cách sử dụng giác kế để đo góc trên mặt đất.

c) Thái độ

- Giáo dục có ý thức tập thể, kỉ luật và biết thực hiện những quy định về kĩ thuật thực hành cho HS.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên:

- 1 bộ thực hành mẫu gồm: 1 giác kế, 2 cọc tiêu dài 1,5 m có một đầu nhọn (hoặc cọc có đế nằm ngang để đứng thẳng được, 1 cọc tiêu ngắn 0,3m ; 1 búa đóng)
- 4 bộ dụng cụ thực hành dành cho HS.
- Chuẩn bị địa điểm thực hành.
- Các tranh vẽ phóng to hình 40; 41; 42 (SGK - 88)

b) Học sinh:

- Mỗi tổ HS là 1 nhóm thực hành.
- Mỗi tổ chuẩn bị 1 bộ dụng cụ thực hành.

3. Tiến trình bài dạy (Thực hiện 2 tiết liền)

Hoạt động 1: Tìm hiểu dụng cụ đo góc trên mặt đất. (Thực hành trong lớp học) (15phút)

GV: Đặt giác kế trước lớp, rồi giới thiệu cho HS, dụng cụ đo góc trên mặt đất là giác kế.

HS: Quan sát giác kế, trả lời các câu hỏi của GV.

GV: Treo bảng phụ (hình 40 - SGK)

? Bộ phận của giác kế gồm những gì?

HS: Bộ phận chính là 1 đĩa tròn chia độ sẵn từ 0^0 đến 180^0 . Hai nửa hình tròn ghi theo 2 chiều ngược nhau. (xuôi và ngược chiều kim đồng hồ)

GV: Trên mặt đĩa còn có 1 thanh để quay xung quanh tâm của đĩa
(GV quay thanh trên mặt đĩa cho HS quan sát)

? Hãy mô tả thanh quay đó?

HS: Hai đầu thanh gắn 2 tấm thẳng đứng, mỗi tấm có 1 khe hở và tâm đĩa thẳng hàng.

? Đĩa tròn được đặt như thế nào? Cố định hay quay được?

HS: Đĩa tròn được đặt nằm ngang trên một giá 3 chân, có thể quay quanh trục.

GV: Giới thiệu dây dọi treo dưới tâm đĩa.

HS: Nhắc lại cấu tạo của giác kế.

Hoạt động 2: Hướng dẫn cách đo góc (15phút)

GV: Sử dụng hình 41; 42 để hướng dẫn.

GV: Gọi 1 HS đọc cách đo: SGK - 88.

+ Bước 1: đặt giác kế.

+ Bước 2: quay về vị trí 0^0 trên mặt đĩa ...

+ Bước 3: Xác định ABC.

+ Bước 4: Đọc số đo độ trên giác kế.

HS: Nhắc lại 4 bước làm để đo góc trên mặt đất.

GV: - Cho 2 HS lên cầm 2 cọc tiêu ở A và B.

- Gọi vài HS lên đọc số đo độ của $\widehat{ACB}$ trên mặt đĩa.

Hoạt động 3 : Chuẩn bị thực hành (5phút)

GV: Yêu cầu các tổ trưởng báo cáo việc chuẩn bị thực hành của tổ về:

- Dụng cụ.

- Mỗi tổ phân công 1 bạn ghi biên bản.

HS: Các tổ trưởng báo cáo.

Hoạt động 4 : Học sinh thực hành (45 phút)

GV: Cho HS đến địa điểm thực hành, phân công vị trí từng tổ và nói rõ yêu cầu:

+ Mỗi tổ chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm đóng 1 cọc A, B, C sử dụng giác kế theo 4 bước đã học.

+ Các nhóm thực hành lần lượt, có thể thay đổi vị trí của các điểm A, B, C để luyện tập cách đo.

HS: Tổ trưởng tập hợp tổ mình tại vị trí được phân công, chia tổ thành 3 nhóm nhỏ để thực hành.

HS cốt cán ở các tổ hướng dẫn các bạn thực hành.

Những bạn chưa đến lượt thì ngồi quan sát để rút kinh nghiệm.

Mỗi tổ cử 1 bạn ghi biên bản thực hành.

GV :Quan sát các tổ thực hành, nhắc nhở, điều chỉnh, hướng dẫn thêm cho HS cách đo.

Kiểm tra kĩ năng đo góc trên mặt đất của các tổ.

Hoạt động 5: Nhận xét đánh giá (7phút)

GV: Nhận xét, đánh giá, kết quả thực hành của các tổ.

Cho điểm thực hành của các tổ.

Thu báo cáo thực hành.

? Nhắc lại các bước đo góc trên mặt đất?

HS: Trả lời.

Hoạt động 6: Kết thúc thực hành (3phút)

+ HS cất dụng cụ, vệ sinh tay chân.

+ Nhắc nhở HS mang đủ compa để học ®Đường tròn©.



Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 25

ĐƯỜNG TRÒN.

1. Mục tiêu

a) Kiến thức

- Hiểu đường tròn là gì? Hình tròn là gì?
- Hiểu thế nào là cung, dây cung, đường kính, bán kính.

b) Kĩ năng

- Sử dụng compa thành thạo, biết vẽ đường tròn, cung tròn, biết giữ nguyên độ mở của compa.

c) Thái độ

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi sử dụng compa, vẽ hình.

2.Chuẩn bị

GV: Thước kẻ, compa, thước đo góc, phấn màu.Bảng phụ (hình vẽ đầu bài, hình 50)

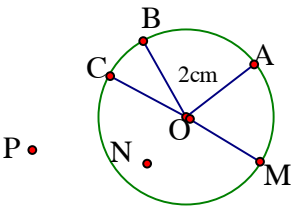
HS: Thước kẻ có chia khoảng, compa, thước đo độ.

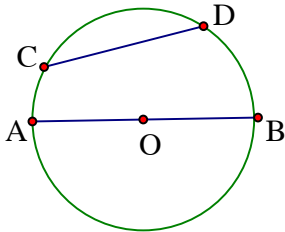
3. Tiến trình bài dạy

a) Kiểm tra bài cũ

b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề:

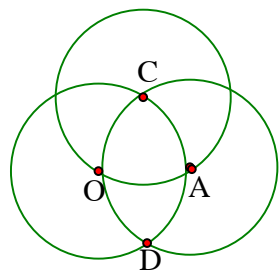
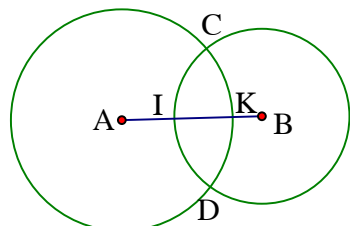
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Để vẽ đường tròn, người ta dùng dụng cụ gì? Giới thiệu compa. Vẽ $OM = 2\text{cm}$. Vẽ đường tròn tâm O bán kính $OM = 2\text{cm}$. Lấy A; B; C bất kỳ trên đường tròn. Các điểm A; B; C cách tâm O một khoảng cách bằng bao nhiêu? Vậy đường tròn tâm O bán kính 2cm là hình gồm các điểm cách O một khoảng bằng 2cm. Đường tròn tâm O bán kính R là một hình gồm những điểm như thế nào? Giới thiệu điểm nằm trên, nằm bên trong, nằm bên ngoài đường tròn. So sánh ON và OM; OP và OM? Hướng dẫn HS cách sử dụng Compa để so sánh hai đoạn thẳng (như hình 46 - SGK 90). Các điểm nằm trên đường tròn, nằm trong đường tròn, nằm bên ngoài đường tròn cách tâm một khoảng như thế nào?	Compa Vẽ hình theo giáo viên. Bằng 2cm. Tập hợp các điểm A, B, C, D ... là một đường tròn tâm O, bán kính R. Nhắc lại khái niệm hình tròn. Ghi bài $ON < O; OP > OM$. Các điểm nằm trên đường tròn cách tâm một khoảng bằng R, nằm trong đường tròn cách tâm một khoảng	1. Đường tròn và hình tròn (15 phút) Dụng cụ: Compa để vẽ đường tròn.  Định nghĩa: (SGK - 89) - Kí hiệu: $(O; R)$ - Điểm M nằm trên (thuộc) đường tròn. Kí hiệu $M \in (O, R)$ - Điểm N nằm bên trong đường tròn. - Điểm P nằm bên ngoài đường tròn. Kí hiệu $P \notin (O, R)$

Ta đã biết đường tròn là đường bao quanh hình tròn. Vậy hình tròn là hình gồm những điểm nào? Phân biệt đường tròn và hình tròn tâm O, bán kính R? Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin trong SGK kết hợp với quan sát hình 44,45. Cung tròn là gì? Hai điểm A; B gọi là gì? Dây cung là gì? Thế nào là đường kính của đường tròn? Vẽ (O; 3cm), vẽ dây cung $CD = 3,5\text{cm}$, vẽ đường kính AB. Đường kính AB có độ dài bằng bao nhiêu? Vì sao? So sánh đường kính và bán kính?	nhỏ hơn R, nằm ngoài đường tròn cách tâm một khoảng lớn hơn R. Là hình gồm các điểm nằm trên đường tròn và các điểm nằm bên trong đường tròn đó. -Giả sử hai điểm A và B là hai điểm nằm trên đường tròn tâm O. Hai điểm này chia đường tròn thành hai phần, mỗi phần gọi là một cung tròn (gọi tắt là cung). -Hai điểm A và B được gọi là hai mút của cung. Trả lời Là một dây cung đi qua tâm. Một HS lên bảng vẽ hình, dưới lớp thực hiện vào vở.  $AB = 6\text{cm}$. Vì $AB = OA + OB$ $= 3 + 3 = 6\text{ cm}$. Đường kính dài gấp đôi bán kính.	Hình tròn: (SGK - 90) <u>2. Cung và dây cung (10 phút)</u> Giả sử hai điểm A và B là hai điểm nằm trên đường tròn tâm O. Hai điểm này chia đường tròn thành hai phần, mỗi phần gọi là một cung tròn (gọi tắt là cung). Hai điểm A và B được gọi là hai mút của cung. Dây cung là đoạn thẳng nối hai mút của cung. - Đường kính: Là một dây cung đi qua tâm. - Đường kính dài gấp đôi bán kính. <u>3.Một công dụng khác của compa (8 phút)</u>
--	---	---

GIÁO ÁN HÌNH HỌC 6

Giới thiệu 1 số công dụng khác của compa: - So sánh 2 đoạn thẳng. - Tính tổng độ dài 2 đoạn thẳng. Tự nghiên cứu các VD1;2 (SGK - 91) HD lại HS cách làm trong 2 ví dụ. Vẽ 2 đoạn thẳng CD, EF bất kì lên bảng, yêu cầu HS lên bảng dùng compa để so sánh 2 đoạn thẳng ấy.	Nghe giảng. Nghiên cứu VD1 và 2 trong 4 phút. Thực hiện theo giáo viên. Lên bảng thực hành.	* Ví dụ 1: SGK - Cách so sánh: SGK - 90 $AB < MN$ * Ví dụ 2: SGK - Cách làm: SGK - 91
---	---	--

c) Củng cố, luyện tập (10 phút)

Đọc đề? Vẽ hình ? Vì sao đường tròn (C; 2 cm) đi qua O và A? Đọc đề? Tính CA, CB, DA, DB?	Đọc đề BT 38 (91 - SGK) Gọi 1 HS lên bảng vẽ hình, dưới lớp HS vẽ vào vở. Suy nghĩ - Trả lời. Đọc đề bài. Một HS lên bảng làm.	<u>Bài 38 (SGK - 91)</u>  Đường tròn (C; 2cm) đi qua O và A vì $CO = CA = 2\text{cm}$ <u>Bài 39 (SGK - 92)</u>  a) - $CA = 3\text{ cm}$ (vì C thuộc đường tròn tâm A, bán kính 3 cm). - $CB = 2\text{ cm}$ (vì C thuộc (B; 2 cm)). - $DA = 3\text{ cm}$ (tương tự).
---	--	--

I có phải là trung điểm của AB không? Vì sao?	Suy nghĩ trả lời.	- DB = 2 cm. b) I nằm giữa A và B nên $AI + IB = AB$ $\Rightarrow AI = AB - IB$ $= 4 - 2 = 2 \text{ cm}$ $\Rightarrow IA = IB = \frac{AB}{2} = 2 \text{ (cm)}$ Vậy I là trung điểm của AB.
Tính IK?	$IK = AK - AI$ $= 3 - 2 = 1 \text{ (cm)}$	c) $IK = AK - AI$ $= 3 - 2 = 1 \text{ (cm)}$
Nhắc lại KN đường tròn, hình tròn, cung, dây cung.		

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (2 phút)

- Học thuộc các khái niệm.
- Biết vẽ hình.
- BTVN: 40; 41; 42 (92 - 93.SGK).
- Đọc trước bài: Tam giác.
- Tiết sau mỗi em mang một vật dụng có dạng hình tam giác.



Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 26

TAM GIÁC

1. Mục tiêu

a) Kiến thức

- Định nghĩa được tam giác.
- Hiểu đỉnh, cạnh, góc của tam giác là gì?

b) Kỹ năng

- Biết vẽ tam giác.
- Biết gọi tên và kí hiệu tam giác.
- Nhận biết điểm bên trong và nằm bên ngoài tam giác.

c) Thái độ.

- Rèn tính cẩn thận trong vẽ hình, yêu thích môn học.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên: Bảng phụ (ghi BT, câu hỏi) thước thẳng, compa, thước đo góc, phấn màu.

b) Học sinh: Dụng cụ học tập.

3. Tiến trình bài dạy.

a) Kiểm tra bài cũ (7 phút)

Câu hỏi

HS: Thế nào là đường tròn tâm O bán kính R?

BT: Cho đoạn thẳng $BC = 3,5\text{cm}$. Vẽ đường tròn $(B; 2,5\text{cm})$ và $(C; 2\text{cm})$. hai đường tròn cắt nhau tại A và D. Tính độ dài AB; AC. Vẽ dây cung AD.

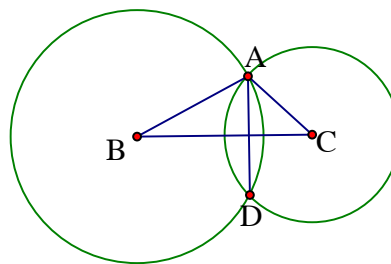
Đáp án

HS: Đường tròn $(O; R)$ là hình gồm các điểm cách O một khoảng bằng R. Kí hiệu $(O; R)$ (3 điểm)

Bài tập

$AB = 2,5\text{cm}$

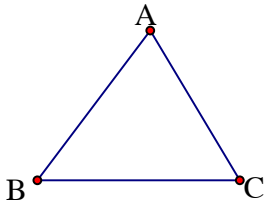
$AC = 2\text{cm}$ (2 điểm)

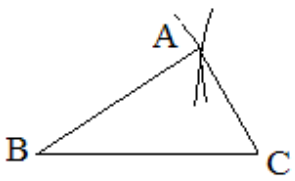


(5 điểm)

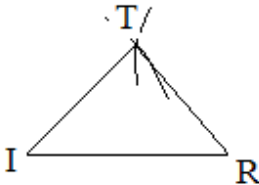
b) Nội dung bài mới

Đặt vấn đề : (Chỉ vào hình vẽ trong phần KTBC). Hình gồm ba đoạn thẳng AB; BC; CA như thế này được gọi là tam giác ABC. Vậy tam giác là gì? Chúng ta sẽ xét bài hôm nay để trả lời câu hỏi đó.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Ghi bảng
Quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi tam giác ABC là gì? Nhấn mạnh lại ĐN.  Hình gồm 3 đoạn thẳng AB; BC; CA như trên có phải là một tam giác ABC không? Vì sao? - Nêu cách đọc và kí hiệu của $\triangle ABC$. Hãy đọc tên 3 đỉnh của tam giác MNP, 3 cạnh, 3 góc? Yêu cầu học sinh làm bài 43 Sau đó gọi HS đứng tại chỗ trả lời.	Định nghĩa: Tam giác ABC là hình gồm ba đoạn thẳng AB; BC; CA khi 3 điểm A; B; C không thẳng hàng. Hình trên không phải là một tam giác vì ba điểm A; B; C thẳng hàng. Ghi bài Ba đỉnh: M; N; P Ba cạnh: MN; NP; PM Ba góc: $\widehat{M}$; $\widehat{N}$; $\widehat{P}$ <u>Bài 43(SGK- 94)</u> a.Hình tạo bởi ba đoạn thẳng MN ; NP; PM khi M,N,P không thẳng hàng gọi là $\triangle MNP$ b.Tam giác TUV là hình gồm 3 đoạn thẳng TU;UV,VT trong đó T,U,V không thẳng hàng. Đọc cách vẽ SGK - 94 (tự nghiên cứu)	<u>1.Tam giác ABC là gì?(25 phút)</u> Định nghĩa: Tam giác ABC là hình gồm ba đoạn thẳng AB; BC; CA khi 3 điểm A; B; C không thẳng hàng. - Kí hiệu: $\triangle ABC$.  - Chú ý: còn gọi tên và kí hiệu tam giác ABC là: $\triangle BCA$, $\triangle CAB$, $\triangle ACB$, $\triangle CBA$, $\triangle BAC$. - 3 điểm A, B, C là 3 đỉnh của tam giác. - 3 đoạn thẳng AB, AC, BC là 3 cạnh của tam giác. Ba góc $\widehat{BAC}$; $\widehat{BCA}$; $\widehat{CAB}$ là ba góc của tam giác. - Điểm M là điểm nằm bên trong tam giác (điểm trong tam giác) - Điểm N là điểm nằm bên ngoài tam giác (điểm ngoài của tam giác)

Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin phần 2 trong SGK trong 3 phút Hướng dẫn từng bước vẽ như SGK và vẽ từng bước lên bảng.	Vẽ hình theo hướng dẫn của GV.	2. Vẽ tam giác (10 phút) * Ví dụ: Vẽ 1 tam giác ABC, biết 3 cạnh: $BC = 4$ cm, $AB = 3$ cm, $AC = 2$ cm. Cách vẽ : SGK - 94. 
---	--------------------------------	---

c) Củng cố, luyện tập (10 phút)

Cho HS hoạt động cá nhân làm bài 47 trong 2 phút sau đó gọi một HS lên bảng làm.	Một HS lên bảng, dưới lớp làm vào vở.	<u>Bài 47 (SGK 94)</u> 
Yêu cầu HS hoạt động nhóm làm bài 44 trong 3 phút, sau đó cho đại diện các nhóm báo cáo kết quả và nhận xét chéo.	Thực hiện và báo cáo kết quả.	<u>Bài 44(SGK - 94)</u>

Tên tam giác	Tên 3 đỉnh	Tên ba góc	Tên ba cạnh
ΔABI	A;B;I	$\widehat{ABI}; \widehat{IAB}; \widehat{BIA}$	AB; BI; IA
ΔAIC	A; I; C	$\widehat{IAC}; \widehat{ACI}; \widehat{CIA}$	AI; IC; CA
ΔABC	A; B; C	$\widehat{ABC}; \widehat{BCA}; \widehat{CAB}$	AB; BC; CA

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (2 phút)

- Học thuộc bài theo vở ghi và SGK.
- BTVN: Hoàn thiện các BT SGK + SBT.
- Ôn tập hình học: Toàn bộ lý thuyết chương II: Góc.
- Tiết sau ôn tập chương.

Ngày soạn:
Tiết 27

Ngày dạy:
ÔN TẬP CHƯƠNG II

1. Mục tiêu

a) Kiến thức.

- Hệ thống lại toàn bộ lí thuyết của chương II: Góc
- Học sinh được giải 1 số bài tập liên quan đến tính góc, so sánh 2 góc.

b) Kỹ năng

- Rèn kĩ năng tính số đo góc, vẽ hình.

c) Thái độ

- Yêu thích môn học, ôn tập nghiêm túc.

2. Chuẩn bị

a) Giáo viên: SGK , bảng phụ ,thước thẳng ,thước đo góc.

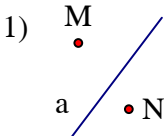
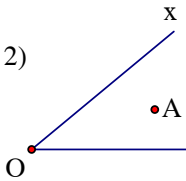
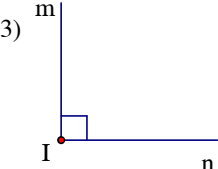
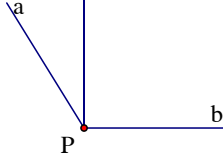
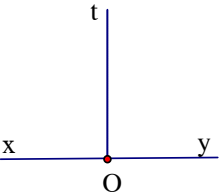
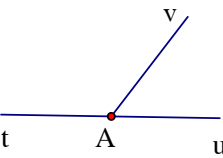
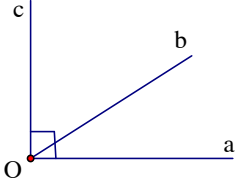
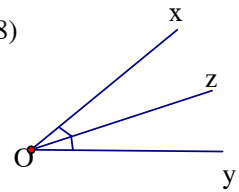
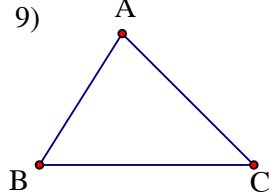
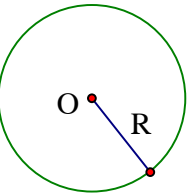
b) Học sinh: Ôn tập ,dụng cụ học tập.

3. Tiến trình bài dạy.

a) Kiểm tra bài cũ

(Kết hợp với ôn tập)

b) Nội dung bài mới

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò		Ghi bảng
Đưa ra BT; Mỗi hình trong bảng sau cho ta biết những gì?			<u>Bài 1(10 phút)</u>
1) 	2) 	3) 	4) 
5) 	6) 	7) 	8) 
9) 	10) 		

Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài tập trên trong 4 phút, sau đó gọi HS đứng tại chỗ trả lời. Thế nào là nửa mặt phẳng bờ a? Thế nào là góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt? Thế nào là 2 góc bù nhau, 2 góc phụ nhau, 2 góc kề nhau, 2 góc kề bù? Tia phân giác của một góc là gì? Mỗi góc có mấy tia phân giác Đọc tên các đỉnh, cạnh, góc của 1 tam giác? Thế nào là đường tròn tâm O bán kính R? Đưa ra đề bài: Điền vào ô trống các phát biểu sau để được câu đúng: a. Bất kỳ đường thẳng nào trên mặt phẳng cũng là, của b. Mỗi góc có một, số đo của góc bẹt bằng c. Nếu tia Ob nằm giữa 2 tia oa và Oc thì	Thực hiện và báo cáo kết quả. Nêu lại các khái niệm.	H1: hai nửa mặt phẳng có chung bờ đối nhau. H2: Góc nhọn $\widehat{xOy}$, a là điểm nằm trong góc. H3: Góc vuông mIn H4: góc tù aPb H5: góc bẹt $\widehat{xOy}$ có Ot là tia phân giác H6: 2 góc kề bù H7: 2 góc kề phụ H8: Tia phân giác của góc. H9: Tam giác ABC H10: đường tròn tâm O bán kính R. <u>Bài 2 (6 phút)</u> a. Bất kỳ đường thẳng nào trên mặt phẳng cũng là bờ chung của hai nửa mặt phẳng đối nhau b. Mỗi góc có một số đo, số đo của góc bẹt bằng 180° c. Nếu tia Ob nằm giữa 2 tia Oa và Oc thì $\widehat{aOb} + \widehat{bOc} = \widehat{aOc}$ d. Nếu $\widehat{xOt} = \widehat{tOy} = \frac{\widehat{xOy}}{2}$ thì Ot
---	--	---

d.Nếu

$$\widehat{xOt} = \widehat{tOy} = \frac{\widehat{xOy}}{2} \text{ thì}$$

.....

Cho HS làm bài trong 3 phút, sau đó gọi một HS lên bảng làm.

Bài 3: Đúng hay sai

a.Góc là một hình tạo bởi 2 tia cắt nhau

b.Góc tù là một góc lớn hơn 1 góc vuông.

c.Nếu Oz là tia phân giác của $\widehat{xOy}$ thì $\widehat{xOz} = \widehat{zOy}$

d.Nếu $\widehat{xOz} = \widehat{zOy}$ thì Oz là tia phân giác của $\widehat{xOy}$.

e.Góc vuông là góc có số đo bằng 90^0

g.Hai góc kề nhau là 2 góc có một cạnh chung.

h.Tam giác DEF là hình gồm 3 đoạn thẳng DE,EF,DF

k.Mọi điểm nằm trên đường tròn đều cách tâm một khoảng bằng bán kính.

Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài tập trên trong 5 phút, sau đó đại diện các nhóm báo cáo kết quả và nhận xét chéo.

BT: Vẽ:

a) Hai góc phụ nhau.

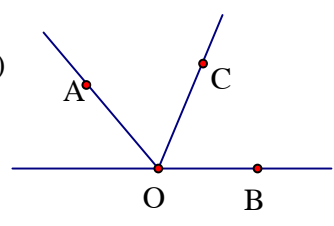
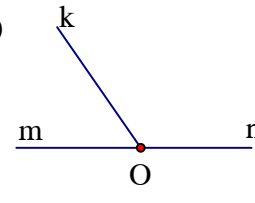
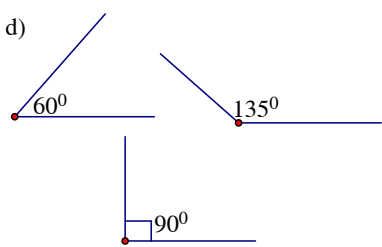
b) Hai góc kề bù.

c) Góc 60^0 ; 135^0 , góc vuông.

Một HS lên bảng làm, dưới lớp làm vào vở.

<

GIÁO ÁN HÌNH HỌC 6

Bốn HS lên bảng làm?	Bốn HS lên bảng , dưới lớp thực hiện vào vở.	b)  c)  d) 
-----------------------------	---	--

d) Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà (2 phút)

- Ôn tập toàn bộ lí thuyết chương II.
- BT: - Tính góc, chứng minh tia phân giác.
- Vẽ tam giác.
- Đường tròn.
- Tiết sau: Kiểm tra.

Ngày soạn:

Ngày kiểm tra:

Tiết 28

KIỂM TRA 45 PHÚT (CHƯƠNG II)

1. Mục tiêu bài kiểm tra

a) Kiến thức.

- Kiểm tra sự nhận thức của HS sau khi học chương II về góc.
- HS vận dụng được các kiến thức đã học, để nhận biết các khái niệm đúng, tính được góc, vẽ được tam giác và chứng tỏ được tia phân giác của một góc.

b) Kỹ năng.

- Rèn kỹ năng lập luận, trình bày, vẽ hình, đọc hình vẽ.

c) Thái độ

- Rèn tính cẩn thận, kỉ luật cho HS.

2. Nội dung đề

Câu 1 Khoanh tròn vào đáp án đúng.

1.1 Lúc 9 giờ đúng số đo góc giữa kim giờ và kim phút là:

- A. 90^0 B. 75^0 C. 120^0 D. 105^0

1.2 Cho tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy. Biết $\widehat{xOz} = 40^0$; $\widehat{xOy} = 90^0$. Số đo của góc $\widehat{yOz}$ bằng:

- A. 40^0 B. 50^0 C. 90^0 D. 130^0

1.3 Góc là hình gồm:

- A. Hai tia cắt nhau B. Hai tia cùng thuộc một mặt phẳng
C. Hai tia ở hai nửa mặt phẳng đối nhau D. Hai tia chung gốc

Câu 2

a) Vẽ tam giác ABC có $AB = 3\text{cm}$; $AC = 5\text{cm}$; $BC = 6\text{cm}$.

b) Lấy điểm M nằm trong tam giác. Vẽ các tia AM; BM và CM.

Câu 3 Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox vẽ hai tia Ot và Oy sao cho $\widehat{xOt} = 30^0$; $\widehat{xOy} = 60^0$.

a) Hỏi tia nào nằm giữa hai tia còn lại? vì sao?

b) Tính $\widehat{tOy}$?

c) Hỏi tia Ot có là phân giác của $\widehat{xOy}$ hay không? Giải thích?

